

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Ca dao tình tự

Nói đến trai gái dan díu

*Liệu mà mở cửa phòng ra*

*Đêm nay anh quyết chơi hoa với nàng*

*Dù ai mà có lạng vàng*

*Không đem chuộc được nàng đêm nay*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Chích: nướng

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### Thiên ngôn lơ mơ lỗ mỗ



Lúc bé rất sợ phải chết.

Nhưng bây giờ khi tôi lớn lên mới biết sự  
lãng quên còn đáng sợ hơn cái chết rất nhiều.

### Tươi rói

Đây là hiện tượng tinh lược trong ngôn ngữ. Từ sau đây cũng bị hiện tượng tinh lược chi phối như miền Bắc có một loài cá giống và to bằng cá chép, nhưng có đặc điểm là tươi rất lâu tên là cá rói. Dù bị bắt ra khỏi nước từ sáng đến trưa cá vẫn còn tươi nên có thành ngữ tươi như cá rói, sau tinh lược thành...*tươi rói*.

(Lê Trung Hoa - Hiện tượng tinh lược trong ngôn ngữ)

### Truyện Kiều với Hoàng Xuân Hãn - A

Thụy Khuê: *Thưa bác, Cụ Nguyễn Du đã viết truyện Kiều như thế nào? Cụ viết theo nguyên bản, hay từ nguyên bản cụ phóng tác ra một truyện khác?*



(Truyện Kiều chép tay theo nguyên bản)

Hoàng Xuân Hãn: Cụ có một bản chữ Hán, cụ đọc rồi cụ cảm, vì truyện không phải là giống nhưng mà gợi ý suy đồi của họ Nguyễn Tiên Điền sau cuộc bể dâu ấy. Cụ cảm cho nên cụ bắt đầu kể lại chuyện ấy cho cụ, chứ không phải là cho người khác. Cho cụ, bởi vì cụ là nhà thơ, cuối đời Trịnh, đầu Nguyễn là thời kỳ văn quốc ngữ, văn Việt Nam cực kỳ thịnh. Có những người sau này nói rằng vì Tây Sơn, lúc ấy văn Việt Nam mới nổi lên. Không đúng đâu. Tiếng quốc ngữ được nổi lên có lẽ từ thế kỷ XVII, cho đến đời Minh Mạng. Quãng ấy là quãng thịnh nhất. Sau Minh Mạng cũng đã non đi rồi. Cho nên những bài như Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm, với những văn của Nguyễn Huy Lãng, bài Tây Hồ phú... vào cái khoảng đời ấy hết cả. Lúc ấy có thể nói có một trường phái điêu luyện về đường văn thái, văn kêu, văn hay... Cụ Nguyễn Du là vào cái phái ấy. Một bên tâm tình cụ bị cảm xúc, một bên văn tiếng Việt lúc ấy rất nổi, cho nên nhân dịp ấy, cụ viết ra quốc ngữ. Viết cũng không phải như người khác kể chuyện, mà là sự kể chuyện của người văn thơ rất hay. Cho nên người nào đọc cũng thấy một cảnh khía làm cho mình cảm động hết cả, từ đàn bà, trẻ em, đến người học cao sâu.

(Thụy Khuê - Hoàng Xuân Hãn, nghiên cứu Kiều)

### Câu đố dân gian

Cái gì chỉ có một đầu  
Có mồm không mắt, đeo râu xồm xoàm  
Khỏe đứng thẳng, nhọc nằm ngang  
Thất thường tính khí họ hàng không ưa  
Của lạ xài mấy cũng vừa  
Của nhà thì cứ dây dưa khát lòn

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Điều kiện ắt có và đủ tạo thành cái chợ là:  
"2 người đàn bà + 1 con vịt".

(ĐatViet.com – Trau giời tiếng Việt)

### Lèo hèo

Lèo hèo : hoang vắng, nghèo  
(lèo hèo ta hãy một lèo hèo)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Truyện Kiều với Hoàng Xuân Hãn - B

Thế còn ai mang quyển sách ấy về? Theo tôi, trong ấy có hai người. **Một là anh ruột cụ Nguyễn Du là Nguyễn Đễ**, theo Tây Sơn từ lúc đầu. Ngô Thì Nhậm đưa ra thì cụ (Nguyễn Đễ) nhận liền, giúp các công văn từ lúc đầu giao thiệp với nhà Thanh, rồi cụ được đi sứ sang Thanh. Lúc về, cụ mang theo quyển Kiều vào khoảng đầu đời Quang Trung, 1792-93. **Hai là người anh rể của cụ Nguyễn Du, tên là Đoàn Nguyễn Tuấn**, con Đoàn Nguyễn Thục, người Quỳnh Lôi, hồi ấy ở phủ Thái Bình. Cụ Nguyễn Du là con rể cụ Đoàn Nguyễn Thục. Cụ này

cũng đậu tiến sĩ, làm quan đến thượng thư đời Lê Trịnh, có nhiều con, trong những người con ấy, có Đoàn Nguyễn Tuấn hiệu là Hải Ông, theo Tây Sơn từ lúc đầu với Nguyễn Đề và Ngô Thì Nhậm, rồi cũng đi sứ về.

Cụ Nguyễn Du, thời kỳ ấy còn ít tuổi nhưng đã hiểu biết rồi, và lúc ở nhà người anh là ông Nguyễn Đề, ở Hà Nội, không làm gì, chính lúc ấy gian díu với Hồ Xuân Hương. Rồi ít lâu, cụ ra mặt không bằng lòng với Tây Sơn thì cụ cũng sợ liên lụy đến người anh, cho nên cụ về quê, ở nhà người anh rể ở Thái Bình khá lâu, cụ làm những bài thơ chữ Hán. Trong Bắc Hành Thi Tập vừa có thơ đi sứ, nhưng có một đoạn, nhiều bài viết ở Bắc Kỳ trong thời gian lưu lạc ở nhà quê. *Người anh rể, Đoàn Nguyễn Tuấn, cũng có thể mang quyển Kiều chữ Hán về*, rồi cụ thấy quyển Kiều ấy ở nhà người anh rể mà viết ra.

(Thụy Khuê - Hoàng Xuân Hãn, nghiên cứu Kiều)

## Văn hóa ẩm thực

Miền Bắc có hẩu lốn. Miền Nam có sà bằn. Hẩu lốn, sà bằn được nấu bằng nhiều thứ rau, thịt, cá còn thừa của bữa trước.

Tại sao lại gọi là sà bằn? Từ sà bằn chưa có trong các từ điển. Sà bằn có hai nghĩa:

- Các thứ sỏi đá, gạch ngói vụn, dùng để làm nền nhà, móng nhà.
- Món ăn nấu lẫn lộn nhiều thứ.

(Nguyễn Dư - "Cao lầu, hẩu lốn, loạn... sà bằn" )

## Đát lễ quê thói với phong tục cổ truyền

### Yến lão

"Yến" là tiệc rượu. Nhiều làng có tục yến lão, hàng năm hay hai ba năm một lần, thiết tiệc mừng thọ các quan lão. Có thể nói đây là một thịnh điển thời thái bình, không phải là một hủ tục đã gây nên nhiều tệ đoan như tục ngôi thứ hương ẩm. "Sống lâu lên lão làng", tự nhiên có vinh dự tuổi thọ, không phải tranh dành mới có, chẳng phải có tiền mà mua được, có quyền thế mà tạo nên được.

Mỗi năm cứ đến dịp làng mở hội hoặc ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hay một đường cai, làng đem cờ quạt với phượng bát âm đến rước ra đình. Những làng trù phú thường sắm đủ võng lọng rước lão, lão 100 tuổi đi võng điều che bốn lọng xanh, lão 90 tuổi đi võng điều hai lọng xanh, lão 80 tuổi võng xanh (đòn cong) một lọng, lão 70 võng xanh (đòn ống) một lọng. Trai tráng cầm cờ khiêng võng đều nón dẫu áo nẹp. Đám rước rất trọng thể. Tại đình làng, nơi giữa thiết lập bàn thờ tiên lão, các quan lão ngồi hai gian bên theo thứ bậc tuổi, có làng yến cả lão bà thì gian trái lão ông ngồi, gian bên phải lão bà ngồi. Tùy theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu nhất, có nơi chưa đến 60 tuổi đã là bậc cao niên nhất, cũng ngồi một mình chiếu nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, ba tuần rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành lễ, phượng bát âm tấu nhạc. Lúc tế, quan lão ngồi trước những mâm cỗ đặt giữa chiếu, chỉ uống rượu suông không ăn, là thủ ý trang nhã, trịnh trọng đối với dân làng, ngồi chứng kiến cuộc lễ diễn hành và chăm chú nghe văn tế, văn chúc thọ. Những mâm cỗ kia sẽ được mang đến từng nhà biếu các cụ.

Cỗ yến lão thường là rất thịnh hậu cả về phẩm lẫn lượng, có nơi mỗi cỗ hai bánh dày, hai bánh chưng với những món giò, nem và nhiều thứ bánh khác làm rất công phu.

## Thiền lơ mơ lỗ mỗ



Thiền sư hỏi đệ tử: "Như thế nào mới gọi là nhỏ?"

Đệ tử: "Thưa, không nhìn thấy".

Thiền sư: "Như thế nào mới gọi là lớn?"

Đệ tử: "Thưa, không thấy bờ bến".

Thiền sư: "Thế nào là không thấy bờ bến?"

Đệ tử đành trả lời: " Là nhìn không thấy!".

Thiền sư trả lời: " Vậy thì nhỏ tức là...lớn".

## 54 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Văn nghệ sĩ chết trước nhất khi ta mất nước là anh Chu Tử Chu Văn Bình. Anh Chu Tử không chết sau ngày 30 Tháng Tư mà là trong ngày 30 Tháng Tư. Trên con tàu đi từ bến Sài Gòn ra biển ngày hôm ấy anh chết vì đạn thù bắn theo tàu. Xác anh nằm lại trong lòng biển đông.

Cuối năm 76 anh Vũ Hoàng Chương "về ngôi." Tháng ba 1976 bọn Cộng Sản Hà Nội mở chiến dịch bắt giam văn nghệ sĩ Sài Gòn. Anh Chương ở trong số những người bị bắt ngay đêm đầu tiên. Chừng sáu tháng sau chúng cho anh về. Lúc này anh chị Chương về ở một căn nhà nhỏ vùng Khánh Hội, gần nhà chị Đình Hùng. Anh Chương về được năm, sáu ngày thì qua đời.

Anh em chúng tôi tên nằm trong tù, tên còn ở ngoài thì ngày đêm chờ đợi công an Việt Cộng đến công tay đưa đi. Gần như chẳng ai biết anh Chương được về. Nhiều người biết tin anh mất rất lâu sau ngày anh mất. Khi ấy tôi chưa bị bắt.

*(Tháng bảy vào thu mưa lạnh bay – Hoàng Hải Thủy)*

## Ca dao tình tự

Nói đến trai gái dân dúi

*Chơi cho phỉ dạ ước mong*

*Rồi ra em vợ, anh chồng mới hay*

*Thôi thôi em chẳng ởm ở*

*Khôn ba năm đại một giờ mà thôi*

*Một mái nên lú, nên đôi*

*Trăm năm ân ái vui chơi mặc lòng*

*(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)*

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đi cầu: Là đi vô toilet chứ không phải lái xe chạy qua cầu.

*(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)*

## “Tù điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Bồ đá = bị bạn gái bỏ

Bồn binh = Bùng binh, vòng xoay (nay)

Buồn xo = rất buồn

(làm gì mà coi cái mặt buồn xo dậy?)

(Nhớ đâu viết đây... - Nguyễn Văn Trường)

### Nấu rượu

Những nước rượu cuối rất nhạt do độ cồn thấp, nhiều nước và đục màu nước vo gạo, sẽ được sử dụng làm dấm hay nước bồng rượu, một loại gia vị dùng để nấu canh chua như canh cá, canh hến, canh riêu, hoặc một số món lẩu.



(Cảnh nấu rượu ở Nam Định)

Hèm rượu (có nơi gọi là bồng rượu hay bã rượu) là phần còn lại của nguyên liệu sau khi đã chưng cất, có thể sử dụng chăn nuôi và là một thức ăn gia súc, nhất là cho lợn ăn rất tốt. Các gia đình nấu rượu thường kiêm chăn nuôi gia súc để cải thiện thu nhập.

### Chữ Việt trong sáng

Thay chữ Nôm

- Đảo lộn chữ một cách ngây ngô, không cần thiết mà lại không đổi nghĩa.

(Đảm bảo, triển khai, lớp trưởng, kiếm tìm...)

- Thay chữ cũng rất ngây ngô, không cần thiết mà không đổi nghĩa gì cả  
(dạy học -> đứng lớp...)

### Giai thoại làng văn xóm chữ Dùng Truyện Kiều điều khiển trâu

Kể đó, một cô khác lại thách:

- Bây giờ đó anh bảo con trâu đi rẽ sang phải đấy?

Để gỡ thẹn, anh thư sinh liền đọc luôn:

*"Nàng rằng: Phận gái chữ tòng,*

*Chàng "đi" thiệp cũng một lòng xin "đi".*

Chàng thư sinh nhấn mạnh hai tiếng "đi", con trâu đi thật nhưng lại đứng đĩnh đi thẳng chứ không rẽ bên phải. Bấy giờ một cô trong bọn mới cất giọng ngâm:

*"Một vùng cỏ mọc xanh rì,*

*Nước ngâm trong "vắt" thấy gì nữa đâu."*

Cô nhấn mạnh chữ "vắt", quả nhiên con trâu ngoan ngoãn rẽ sang bên phải.

Tiếng "hộ" và tiếng "vắt" là những tiếng mà người miền quê dùng để điều khiển trâu bò, "hộ" là đứng lại, còn "vắt" là rẽ sang phải.

(Nguồn: Lê Thương)

### Chữ nghĩa làng...nhậu

Bắt con cá lóc nướng trui

Làm mâm rượu trắng đãi người phương xa

## Chữ và nghĩa

Ấn tượng - Dùng như tính từ (*to be impressed*, theo kiểu Anh Mỹ), được một số người (đặc biệt là giới trẻ) trong nước dùng. Cách dùng như thế tạo một hiệu ứng nhấn mạnh, vì nó biến một danh từ thành tính từ. Chẳng hạn, "Màn trình diễn ấy rất ấn tượng".

Cũng thế, với những đối tượng trên, từ "thần tượng", vốn là một danh từ, cũng có thể được sử dụng như một động từ (*to idolize*), "Chúng em rất 'thần tượng' nhà thơ X". Lối dùng này, đa số từ giới trẻ, nhiều phần là do ảnh hưởng về mặt từ pháp theo kiểu Anh Mỹ. Anh ngữ đang được một tầng lớp đông đảo người Việt Nam trong nước, đặc biệt là giới trẻ, ưa thích. Sự vay mượn này cũng là một điều dễ hiểu, và chính sự vay mượn như thế cũng nằm trong những quy luật của sự trao đổi và tiếp biến ngôn ngữ nói chung trên thế giới. Vấn đề còn lại chỉ là sự ý thức. Để không biến những biểu hiện của một quy luật chung thành một sự quá đà, có thể đi đến chỗ làm mất bản sắc ngôn ngữ dân tộc.

(Bùi Vĩnh Phúc - Trên đường bay của chữ)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

khẩn hoang

Khẩn hoang nghĩa là vỡ đất hoang để biến thành đất trồng trọt. Soạn giả đã định nghĩa như vậy, hẳn là không có gì sai. Nhưng, khi viết rằng, khẩn nghĩa là cày ruộng, quả là soạn giả đã giảng sai nghĩa của từ tố này. Khẩn nghĩa là lật đất, là xới đất, là khai phá đất đai. Phải khẩn hoang thì mới biến đất hoang thành ruộng để cày cấy. Vậy, khi đang khẩn hoang thì đã làm gì có ruộng? Khẩn hoang là một công việc khó khăn và phức tạp, sau khi hoàn thành thì mới có ruộng để cày.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

## Vũ Trọng Phụng

Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã xuất bản "Nhà văn Việt Nam hiện đại", dày 1200 trang khổ lớn, tập hợp chân dung trên một ngàn nhà văn các thế hệ, từ các cụ Ngô Tất Tố, Phan Khôi... cho đến lớp nhà văn vừa được kết nạp như Nguyễn Danh Lam, Phan Huyền Thư... Điều quan trọng hơn là cuốn sách đã mang một cái tên không xứng hợp. Vì rõ ràng là khiếm khuyết, khi cuốn sách mang tên "NVVNHD" mà lại không có Vũ Trọng Phụng, Khải Hưng, Phạm Duy Tồn, Hồ Biểu Chánh,...

Đã đành, trong điều kiện Việt hiện nay, việc đánh giá tác giả, tác phẩm văn học khó tránh được sự chi phối của ý thức hệ, nhưng chúng ta đều biết, văn học còn có những giá trị trường tồn, vượt qua ý thức hệ. "Truyện Kiều" của Nguyễn Du, hay "Chí Phèo" của Nam Cao là những bằng chứng hiển nhiên rằng: Trong một chế độ phản tiến bộ, vẫn có nhà văn viết nên những tác phẩm có giá trị lâu bền. Đã đến lúc, cần phải đặt thẳng vấn đề: Chẳng lẽ suốt 20 năm (1955-1975), những sáng tác văn học ở miền đều là thứ "vứt đi", không đáng đếm xỉa gì đến? Dù biết đây là vấn đề "nhạy cảm" và phải cân nhắc thận trọng, nhưng nhất thiết không thể né tránh vì nếu "khoanh vùng" trong phạm vi các nhà văn là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, do nhận thức ấu trĩ, đã có thời muốn "vứt đi" những di sản văn hoá tiền nhân để lại, muốn "vứt đi" cả những tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng!

(Nguyễn Khắc Phê - Nhà văn hiện đại)

## Chữ Việt trong sáng

Làm chữ mới:

- Dùng ngoại ngữ phiên âm không có quy luật gì cả  
(Ôt-tra-li-a – Nước Úc / Australia; Cu-dơ bê – Coos Bay,  
vịnh Coos ở Tiểu bang OregonUSA...)

## Mắt em diu diu buồn Tây Phương

Một hôm có hai ông bạn làm thơ, ông Thanh Tâm Tuyền và ông Cung Trầm Tưởng lên chơi. Chúng tôi ngồi dưới gốc chôm chôm, chuyện phiếm. Ông Cung Trầm Tưởng lai rai đọc thơ Quang Dũng, bài *Đôi Mắt Người Sơn Tây*: “Vùng trán em vương trời quê hương, Mắt em diu diu buồn Tây Phương”. Nhà thơ tác giả *Tiến Em* vốn ngày xưa học ở bên Pháp, chợt nghiêng đầu mà hỏi: “Sao lại buồn Tây Phương, sao lại có beauté grecque [vẻ đẹp Hy Lạp] ở đây kìa”.



Và Lô Răng trả lời, Tây Phương là chùa Tây Phương ở Sơn Tây.

(Nguyễn Quốc Trụ - Tạp ghi của ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc)

## Chữ Việt cổ

búp gió : hoa chuối

(Phạm Xuân Độ)

## Chữ nghĩa làng văn

Cụ cử Nguyễn Văn Tú, người đã tìm ra bản thảo *Lưu Hương Ký* trong tủ sách gia đình ở Hành Thiện, Nam Định và đã gửi về cho toà báo Văn Sử Địa từ năm 1957. Tập *Lưu Hương Ký* sau đó đã được chuyển về thư viện của Viện Văn học ở Hà Nội.

Bảy năm sau, ông Trần Thanh Mại, một chuyên gia văn học, người công bố một số bài, phiên âm sang Quốc ngữ từ *Lưu Hương Ký*, trong *Tạp chí Văn học* tháng 3/1963.

Rồi đến học giả Hoàng Xuân Hãn nghiên cứu *Lưu Hương Ký* trên văn bản những bản phiên âm của Trần Thanh Mại để viết tiểu sử của Hồ Xuân Hương (chứ không được thấy mặt các bản gốc chữ Hán và chữ Nôm trong *Lưu Hương Ký*).

(Nguyễn Ngọc Bích – Sản lũng hơn 40 năm thi phẩm của HXH)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Con gái, đàn bà toàn diện là:  
“Trưa diện, chiều diện, tối diện”.

## Chơi chữ

Chơi chữ là dùng phương thức diễn đạt sao cho hai lượng ngữ nghĩa khác hẳn nhau được biểu đạt bởi cùng một hình thức ngôn ngữ, nhằm tạo nên sự thú vị mang tính chất chữ nghĩa.

Càng làm phong phú thêm ngôn ngữ, văn chương Việt Nam .

Chơi chữ trong văn chương:

Hay một câu đố nhân gian , do đám học trò đến thăm thầy đồ, thấy nhà đóng cửa mà bên trong thì nghe có tiếng rúc rích và tiếng giởong kêu ọt ẹt, các trò bấm nhau cưởi.

Thầy thấy then liền ra câu đố , nếu đố được thì mới mở cửa :

" Sĩ đáo ngoại gia, thâm bất thâm , thì bất thì, thâm thì thâm thì"

Một anh nho sinh mới đố lại :

" Sư ngoại trung phòng, ọt bất ọt, ẹt bất ẹt, ọt ọt ọt ọt"

### Chữ nghĩa làng văn

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đưa ra tại Paris từ năm 1952 và giáo sư Trần Thanh Mại, đưa ra tại Hà Nội năm 1964, cho rằng: *Toàn bộ thơ Nôm truyền tụng* của Hồ Xuân Hương, tất cả đều không phải của Hồ Xuân Hương mà là *thơ dân gian* của các ông đồ, sáng, nhuận sắc cùng thời với truyện *Trạng Quỳnh, Trạng Lợn*.

(Nguồn: Trần Nhuận Minh – Vấn đề Hồ Xuân Hương, đã rõ)

### Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

#### Yến lão

Chiếu nhất, một cụ ngồi thì được biếu cả một cỗ gọi là cỗ một, chiếu nhì, hai cụ ngồi là cỗ đôi thì được biếu mỗi cụ một nửa cỗ, những cỗ dưới là đồng hạng cứ bốn cụ một cỗ.

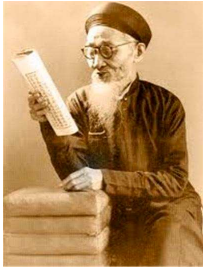
Từ ngàn xưa, những khi có việc làng, không hề có bóng phụ nữ nơi đình trung. Ngày yến, sự hiện diện của các lão bà đem lại cho dân làng một cảm giác đặc biệt vui vẻ đầm ấm. Mỹ tục yến lão là do đạo hiếu mà ra, một đặc tính dân tộc, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già, trái ngược hẳn với cái thâm cảnh ở mấy nước văn minh cường thịnh cứ đến tuổi già là bị liệt vào hạng người vô dụng, ăn hại xã hội, con cháu ít chăm nom, người đời lạnh nhạt.

Lúc vãn niên, tóc bạc da mồi, với cuộc sống buồn tẻ nơi thôn dã năm tháng trôi, các cụ hẳn cũng cảm thấy sung sướng đã được cả làng tỏ tình quý trọng, quý trọng rất mực trong cuộc rước đón những buổi yến ẩm, con cháu các cụ thì được hãnh diện là gia đình có phúc mới được tuổi thọ, cho nên nhiều nhà, dù nghèo cũng ráng may sắm cho ông bà đi dự yến. Cụ thì mũ ni nhung đen, áo vóc đại hồng, cụ thì khăn nhiễu tam giang, giày vải hài, cụ thì áo đoạn huyền quần lụa bạch, có những cụ nhà bần hàn, quanh năm quần nâu áo vải lúc này cũng quần chúc bầu, áo the thâm, áo lạng chéo go, dép mới thay quai... Y phục tùy hoàn cảnh mỗi nhà, không có lệ định nào, chỉ trừ màu vàng của nhà vua, quan dân đều không được mặc. Trước ngực, dưới vòng dây thao quàng cổ là túi gấm màu lam, màu huyền đựng trà, thuốc, cối, chày..

Đám rước quan lão, y phục màu sắc như vậy với vồng lọng cờ quạt, vừa gọi cảm. Những nhà từ mấy đời không hề có ông cha được dự, không khỏi bùi ngùi tiếc thương người đã khuất, không khỏi thềm muốn ước mong cho gia đình đời nay và đời sau.



## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ



Dưới đây là bốn câu thơ trong một bài thơ thất truyền của cụ Nguyễn Khuyến:

Con gái nhà ai tắm vệ sông  
Vú về để hờ váy quai công  
Ước gì ta được mà ta để...  
Ta để mà ta lại... để chung

## Đế Gò Đen



Rượu đế Gò Đen, thường được gọi tắt là “Đế Gò Đen”, là tên một loại rượu trắng nổi tiếng của miền Nam. Đây là một loại rượu được nấu từ gạo, hoặc nếp mỡ, nếp than, theo phương pháp cổ truyền, sản xuất ở địa danh Gò Đen, Bến Lức, tỉnh Long An.

Đây là một loại rượu đế có nồng độ cồn rất cao, có thể lên đến 50 độ cồn, như rượu Mao Đài của Tàu, đế Gò Đen được nhấn mạnh về vấn đề thổ nhưỡng, nên để có một sản phẩm ngon, đế Gò Đen phải được nấu tại vùng Gò Đen. Theo truyền thống đế Gò Đen được nấu từ gạo. Tuy nhiên, ngày nay những người sành rượu thường rất chuộng loại đế Gò Đen được nấu từ gạo nếp. Loại rượu gạo này rất nhiều địa phương ở Việt Nam nấu, chất lượng cũng khác nhau tùy vùng như rượu nếp, rượu nếp than.

"Rượu Đế Gò Đen xưa và nay (rượu nếp than, rượu nếp trắng, rượu chuối hột) đã nổi tiếng "đệ nhất tửu".

## Ca dao tình tự

Kho tàng ca dao với 12.487 bài thì chỉ có 242 bài nói đến tình yêu ngoài vòng lễ giáo.

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## 55 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Thê thảm nhất là anh Nguyễn Mạnh Côn chết ở Trại Cải Tạo Xuyên Mộc. Anh Côn bị bắt tháng ba 1976. Tôi vào Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu sau anh. Năm 1977 tôi chỉ nhìn thấy anh vài lần khi tôi nằm Biệt Giam - Sà lim số 20 Khu B, Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, anh ở Phòng Tập Thể số 1 cùng Khu B. Rồi anh bị đưa lên Trại Xuyên Mộc, Bà Rịa. Năm 1980 khi từ nhà tù

trở về lần thứ nhất tôi được tin anh đã mất ở Xuyên Mộc. Nghe nói khi ở tù được ba năm, anh Côn tự cho là bản án tù của anh đã mãn, anh tuyệt thực đòi bọn Việt Cộng phải trả tự do cho anh. Anh Côn không ăn, chúng không cho anh uống nước luôn. Anh Côn là người chết tức tưởi, khổ sở, bi thương nhất trong số anh em tôi đã chết sau năm 1975. Thân xác anh nằm lại vùng rừng già Xuyên Mộc.

Năm 1986 anh Hiếu Chân Nguyễn Hoạt chết trong nhà tù Chí Hòa. Anh bị cao áp huyết. Phòng giam quá đông người nên quá ồn ào, rối tinh rối mù như trong ổ kiến. Những ông già bị tù cao áp huyết thường không chịu nổi cảnh loạn xạ bát nháo từ sáu giờ sáng đến mười giờ đêm trong phòng giam chật ních người, các ông thường lặng lẽ ra đi vào lúc nửa đêm.

(Tháng bảy vào thu mưa lạnh bay – Hoàng Hải Thủy)

### Thiên ngôn lơ mơ lỗ mỗ



Lúc bé mong mình lớn,  
giờ đây lớn rồi sao mong  
mình bé lại quá chùng

### Ca dao tình tự

Nói đến đồng tính luyến ái  
*Đàn ông nằm với đàn ông  
Như gốc, như gác, như chông như chà*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

nghĩa cử

Trong từ này, soạn giả giải thích rằng, nghĩa tức là việc phải nên làm, là hào hiệp; cử nghĩa là cất lên, là làm việc, và, nghĩa cử là việc làm vì nghĩa. Nếu căn cứ theo lời giảng giải về các từ tố thì nghĩa cử phải là làm việc một cách hào hiệp hoặc là làm cái việc nên làm. Chúng ta thấy ông giảng đúng nghĩa của từ nghĩa cử, đó là một danh từ nên từ tố cử ở đây không thể là động từ như ông đã giảng giải, bởi vì nó cũng là một danh từ! Soạn giả phạm sai lầm ở chỗ, ông không hiểu nghĩa của chữ cử 舉 ở đây. Ngoài các nghĩa như soạn giả đã nêu, chữ cử 舉 còn có nghĩa là việc làm, và đó chính là nghĩa cụ thể ở đây. Còn chữ nghĩa 義 thì có nghĩa là hợp với đạo lý. Do đó, nghĩa cử nghĩa là việc làm hợp với đạo lý.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ...

Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ:

• *Bầu ơi thương lấy bí cùng, mai sau có lúc... nấu chung một nồi.*

## Chữ nghĩa làng văn

Một lần là tởn tới già  
Chớ đi nước mặn mà hà ăn chân!

Câu trên này dân gian đặt ra để tự cảnh cáo lấy mình, đã khờ dại đi vào cạm bẫy của người ta, bị thất thu thua lỗ, tróc vẩy trầy da, “chu choa” là dại, cũng chỉ vì nghe lời đường mật, hoặc tự mình dấn thân, không biết suy tính lợi hại, để đến nỗi phải gánh chịu những hậu quả ê chề đau đớn. Lúc bấy giờ mới rút kinh nghiệm, tuy đã muộn màng sẽ không dại gì mà làm lại như vậy nữa.

Nghĩa đen của câu này, và đặc biệt là nơi về hai, có nói tới nước mặn và hà ăn chân. Ai ở miền biển, có tụ tập ghe thuyền nhiều, đều biết một giống vật nhỏ bé, tên là con hà, tên Pháp là taret, hơi giống con gián nhưng nhỏ bé, hình lép, có răng nhọn, chuyên đục đẽo ghe thuyền gỗ mà ăn với bọt nước biển. Cho nên cứ đến mùa nắng ráo, thì đám dân chài lật ngược thuyền, thắp đuốc huí gỗ khắp châu thân phía ngoài, để tiêu diệt những con hà đó.

Dân chài nước ta từ thời xa xưa, vốn là dân miền duyên hải và hải đảo, đã nắm vững kỹ thuật tạo tác ghe thuyền. Muốn cho gỗ ráp lại được dính chặt với nhau, và nước không thấm vào bên trong, họ đã vào rừng tràm (melaleuca leucadendron), tước vỏ mềm như điện điện (liège) đem về nhét vào chỗ hai tấm gỗ, lấy búa mà gõ nơi giáp mối, làm thế nào cho miếng vỏ tràm bị kẹt cứng vào giữa hai thành gỗ. Lúc thuyền được ráp xong rồi, thì dân chài lấy chất nhựa (sève, résine) của cây dầu (dipterocarpus alatus), phết trét mấy lớp phía ngoài ghe và một lớp phía trong, để cho ghe được hoàn toàn “chấn nước” (imperméable, waterproof).

Trở về con hà, thật sự nó không moi chân của dân chài mà ăn, như ăn gỗ ghe vậy đâu! Nhưng mà nước mặn vốn có chất chlore và thấm nhiều chất iode và calcium, ba thứ ấy mà thấm vào bàn chân và các ngón chân, lâu ngày trải qua nhiều năm tháng, sẽ bị moi chọt như mặt rỗ, mà thiên hạ xem như bị hà ăn chân!

(Thái Văn Kiểm – Kho tàng tiếng Việt)

## Lệt

Lệt : không đủ sức  
(nổ liệt đệt)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

### Lấy tử vi cho cái quạt

Vào một ngày mùa hạ, bà trạng đi chợ mua về cho cụ trạng Nguyễn Bình Khiêm một cây quạt giấy. Trạng tính ngày giờ, rồi lấy cho cây quạt một lá số tử vi. Trạng đoán ra cái ngày...cái quạt chết. Trạng lại nghĩ:

- Nếu để dùng lâu ngày nó sẽ rách hoặc thất lạc đi, như vậy "cái ngày chết" của nó ắt sẽ xảy ra và xảy ra bình thường. Nếu đúng nó có số thật, không ai có thể ngăn cản được, thì sao ta chẳng mang cát nó đi, để xem tới ngày ấy, nó có chết thật hay không?

Nghĩ thế, nên trạng Trình treo nó lên chỗ kín đáo nhất. Tới ngày, cây quạt vẫn còn nguyên. Hôm đó, suốt từ sáng tới chiều, trạng Trình cứ ở nhà, quanh quẩn ở nơi để quạt, xem nó chết ra sao. Vừa lúc ấy, có khách đến mời trạng sang ăn giỗ, ông từ chối không đi, cho rằng trạng gian việc gì nên đánh tiếng nhờ bà trạng. Từ sáng, thấy cử chỉ kỳ dị của chồng, bà trạng đã chường mắt lăm ròi, nên khi được khách cậy nhờ, bà liền đốc thúc trạng:

- Ông ở nhà làm gì, người ta nghĩ tình nên sang mời, mà ông nỡ từ chối. Tôi mua quạt về cho ông dùng, chớ đâu phải để ông mang cát đi, rồi cứ ra vào mà phủ bụi cho nó như đầy tớ thế.

Vừa nói, bà trụng vừa giặt lấy cây quạt xé nát tan ra từng mảnh vụn. Thấy vậy, trụng cười nói:

- Ra là thế. Cuối cùng thì ta đã biết được nó chết thế nào.

Rồi mặc cho bà trụng đứng ngẩn người ra không hiểu, trụng khăn áo chỉnh tề đi sang nhà người khách lúc sáng để ăn giỗ.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Hai vợ chồng: Không phải là hai vợ, một chồng.  
Mà chỉ có một vợ, một chồng thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Buột = cột

Bữa = buổi/từ đó tới nay

(ăn bữa cơm rồi về/bữa giờ đi đâu mà hồng thấy qua chơi?)

Cà chớn cà cháo = không ra gì

(Nhớ đâu viết đây... - Nguyễn Văn Trường)

### Tuỳ bút *Phở* của Nguyễn Tuân

Bài tuỳ bút nhan đề *Phở* của Nguyễn Tuân được đăng lần đầu ngay ở số 1 (10/5/1957) và đăng phần tiếp ở số 2 (17/5/1957) của tuần báo *Văn*. Xin nhớ tuần báo *Văn* chỉ hiện diện trong làng báo Hà Nội từ 10/5/1957 đến 17/1/1958, chấm dứt ở số 37, với lý do tạm dừng để kiểm điểm, và trên thực tế là dừng lại vĩnh viễn.

Hơn 4 tháng sau, sau đợt tập trung chống Nhân văn - Giai phẩm, bộ máy Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật VN và Hội Nhà văn VN được chấn chỉnh lại, Hội Nhà Văn mới xuất bản tờ *Văn học* với định kỳ ban đầu 10 ngày/ 1 số (“tam cá nguyệt san”), đánh số từ 1, thư ký toà soạn là Nguyễn Đình Thi, tuyên bố là tờ báo mới, “mới cả về tinh thần lẫn tên gọi”, tức là không vương vấn gì với tờ tuần báo đã đăng *Phở*, *Tiếng bạc cuối cùng* (truyện của Hồ Dzếnh), *Phòng số 6* (truyện dịch của Chekhov), *Lời mẹ dặn* (của Phùng Quán), *Đống máy* (của Minh Hoàng), *Ông Năm Chuột* (của Phan Khôi), v.v..., tờ tuần báo đã bị tạp chí *Học tập* và tạp chí *Văn nghệ* phê phán nghiêm khắc nhưng không chịu tiếp thu, cuối cùng bị ngừng lại mãi mãi.

(Lại Nguyên Ân - Những hư cấu văn học sử cần đính chính)

### Tiếng Việt trên net

ko = không

lém = lắm

muh = mà

(Nguồn: Gio-o.com)

### Ca dao tình tự

Nói đến đồng tính luyến ái

*Đàn bà nằm với đàn bà*

*Như lụa, như lĩnh, như hoa trên cành*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo *thiên can*. Dùng thiên can để miêu tả vật có sử dụng lửa. Một số vật có sử dụng lửa, thì hay dùng thiên can (giáp, ất, bính, đinh, mậu, kị, canh, tân, nhâm, quý), có thể một số hay tất cả, để miêu tả. Thí dụ:

*“Da trắng như màu thiếc  
Ruột rói như rau câu  
Bính đinh hoả đánh trên đầu,  
Nhâm quý thủy thân đằng đít”*  
(Điều thuốc)

Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố cho thấy thể loại này là sự mới mẻ, lạ thường. Những hình ảnh được tạo nên bởi lối nhân hoá (hay động vật hoá, thực vật hoá,...), và cách tả thực. Do góc nhìn không bình thường, có khi dùng hình thức đánh tráo các quan hệ ngữ pháp, nên tạo ra những vật dị kì. Những cách miêu tả như vậy chỉ có và được chấp nhận trong câu đố, tạo cho thể loại này một phong cách rất riêng.

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

### Chữ nghĩa làng...nhậu

*Rượu lưu li chân quỳ tay rót,  
Cha mẹ uống rồi nổi gót theo anh*

### Chữ nghĩa làng văn

Với tên gọi *Hồ Xuân Hương - bà chúa thơ Nôm*, thực ra trước Xuân Diệu đến 30 năm, tính đến 1980 là âm kết thúc công trình nghiên cứu của Xuân Diệu. Từ năm 1950, Lê Tâm đã gọi *Hồ Xuân Hương là Bà chúa thơ Nôm* trong tập sách do Nhà xuất bản Cây Thông, Hà Nội ấn hành. Nhưng người ta cứ nghĩ danh hiệu này là do Xuân Diệu đầu tiên nêu ra.

(Nguồn: Trần Nhuận Minh – Vấn đề Hồ Xuân Hương, đã rõ)

### Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Cồ : to, lớn

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### Nói lái trong câu hò đối đáp

Cũng như ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố cũng là một hình thái của Văn học dân gian. Những câu đố nói lái thường hay bị trông tréo chữ nghĩa mà đôi khi không đáp được, thí dụ:

Chàng trai sứt môi ngồi ăn xôi mút,  
Cô gái mồm to lặn lội mò tôm

Con cóc cái ngồi trên cái cóc,  
Con cày tơ đứng dưới cò Tây

(Nguyễn Văn Hiếu - Nói lái trong ngôn ngữ và văn học Việt Nam)

## Lếu

Lếu : quấy phá  
(lếu láo – bá lếu)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Vợ là địch  
Bồ bịch mới là ta  
Khi chiến sự xảy ra  
Ta buộc về với địch  
Rục rịch ta nhớ ta

## Đôi đũa

Đôi đũa tre là vật dùng hàng ngày trong mâm cơm của người Việt, nó gắn bó cuộc sống con người từ lúc sống cho đến lúc xuôi tay trở về cát bụi. Đôi đũa để và cơm và gấp thức ăn có phong vị văn hoá Việt và còn tạo ra cả những ứng xử mang tính nhân văn.

Như người Bắc thường dùng đôi đũa cả thay cho nêm, hoặc thìa để xới cơm. Xới cơm, không được xới cao hơn mặt bát, vì như thế sẽ bị ngăm chê trách là ăn tham. Xới cơm, không được để cơm vương vãi khắp nơi, vì như thế là mất thẩm mỹ, phí phạm. Tóm lại, chỉ mỗi việc dùng đôi đũa cả để xới cơm, cũng đã lộ ra rất nhiều nhiều khê.

Khi ăn cơm, người Bắc thường có thói quen so đũa đều, rồi chia từng đôi đũa cho người khác. Nếu ai vô tình nhận được đôi đũa lệch thường có cảm nghĩ như mình bị người khác xem thường. Một số người thường trở đũa để gấp thức ăn, đầu đũa để và cơm, và có thói quen dùng đôi đũa đập đập vào bát ngăm báo hiệu cho chủ nhà là muốn gì đó. Hoặc giả khi ăn xong thường chập hai cây đũa lại làm một, và quẹt ngang miệng như một kiểu lau mồm.

(Nguyễn Thanh Hải - Văn hóa đũa trong mâm cơm người Việt)

## Câu thai đố

Câu thai đố là một loại hình văn dân gian, một loại văn chương bình dân truyền khẩu đa dạng, hình thức có lúc nghiêm túc, có lúc bông đùa, dí dỏm, có lúc thô tục.

Thí dụ:

Hai tay ôm lấy cột nhà  
Tôi muốn cho chủ tôi tàn  
Để tôi mắc võng nghênh ngang khắp nhà.  
(Con nhện)

Hoặc giả như:

Hai người đứng bắt tay nhau,  
Chạm trán chạm đầu mà chẳng chạm chân.  
(Chữ A)

(Lưu Văn Nam – Văn hóa dân gian)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Sống trên đời...

Nguồn câu thành ngữ “*sống trên đời ăn miếng dồi chó,*

*chết xuống âm phủ còn có hay không” từ câu ca dao:*

Sống được miếng dồi chó  
Chết được bó vàng tâm  
Sống không ăn miếng dồi chó  
Chết xuống âm phủ không có mà ăn

(Khải-Chính Phạm Kim-Thư - báo Tự Do)

### **Bóc áo tháo cà**

Người ta có cái áo bắt cởi ra mà lấy, có cái cà để làm rượu, bắt tháo bỏ đi không cho cà nữa. Âm chỉ hành động ngang ngược.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **56 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Năm 1987 Dương Hùng Cường Dê Húc Càn chết trong sà-lim khu B, Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu. Là sĩ quan anh đã đi cải tạo ba năm. Được về năm 1989 anh bị bắt lại trong cùng một đêm với tôi - Đêm rạng ngày 2 tháng năm, 1984 - Anh bị khép vào cái bọn công an Thành Hồ gọi là "Tổ chức gián điệp hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh," tên văn nghệ, văn gường của tổ chức này là "Bọn Biệt Kích cầm bút." Năm sà-lim một mình, lên cơn bệnh, anh chết trong đêm. Cường nằm ở một nghĩa trang vắng vẻ trên Lái Thiêu.

Những người đã chết: Các ông đàn anh tôi: Tam Lang, Nguyễn Hiến Lê, Vũ Bằng, Chu Tử, Trần Việt Sơn, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hồ Hữu Tường, Hoàng Vĩnh Lộc, Vũ Đức Duy, Thiếu Lang; các bạn tôi: Minh Đăng Khánh, Trọng Nguyên, Hoàng An, Hoàng Thắng, Hoàng Trúc Ly, Huy Cường, Thái Dương, Trần Việt Hoài, Xuyên Sơn, Cát Hữu, Lê Thanh, Mai Anh, Trịnh Việt Thành, Lan Đài, Y Vân, Trọng Khương, Nguyễn Ngọc Tú tức Ngọc Thứ Lang, tác giả Bỏ Già, Hoàng Trọng Miên, Hồ Điệp mắt tích trên biển, Minh Vô Con Ong, Lý Phật Sơn, v.v... Còn bao nhiêu anh em tôi đã chết mà tôi không biết, không nhớ, không thể kể hết!

(Tháng bảy vào thu mưa lạnh bay – Hoàng Hải Thủy)

### **Trường tộc**

Ngày xưa việc họ là cứ vào tộc trường. Họ lớn có tộc trường họ lớn; các chi có trường chi. Tộc trường có quyền lợi, nghĩa vụ rõ ràng. Rượu hương hoá và tự điền có nhiều thì lễ to, nhà thờ họ lớn, tế khí đầy đủ và ngược lại.

Khi vào tế lễ, tộc trường đầu còn trẻ tuổi vẫn là chủ tế, các ông chú dẫu cao tuổi vẫn là bồi tế. Nếu nhỏ quá thì một ông chú kế trường thay thế, cũng như ông vua trẻ chưa thành niên có phụ chính đại thần.

### **Chữ nghĩa làng...nhậu**

Bình minh nhất tràn trà  
Bán dạ tam bôi tửu  
Nhất nguyệt giao nhất độ  
Lương y bất đáo gia

Nghĩa là:  
Bình minh một chén trà  
Nửa đêm ba ly rượu

## Một thảng “áy” một cái Thầy thuốc chẳng tới nhà



(Rượu đế Bến Gỗ)

Vào nửa sau thế kỷ XVII, các thế hệ di dân người Việt với thuyền, ghe, xuồng... theo thủy triều ngược dòng Đồng Nai vào định cư ở các giồng đất hai bên bờ. Do đây là những nơi sẵn nước ngọt dùng cho sinh hoạt, trồng tía nên người Việt đến khai khẩn sớm nhất (theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức). Theo đó, Bến Gỗ (nay thuộc xã An Hòa - huyện Long Thành) là một trong những vùng định cư sớm nhất của số cư dân này ở xứ Đồng Nai. Và không biết tự lúc nào rượu đế Bến Gỗ đã vang tiếng khắp miền Nam. Trong Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển thì cho rằng: "... Thức uống có men phải nói đến rượu đế.

Cùng với rượu Gò Đen (Long An), Hòa Long (Bà Rịa), rượu gạo Bến Gỗ (Long Thành) cũng nổi tiếng xứ Đồng Nai. Rõ ràng là chi tiết "cùng với" không được đúng lắm vì Bến Gỗ hình thành địa bàn dân cư sớm hơn Long An, Long Đất thì rượu đế Bến Gỗ không thể xuất hiện cùng thời với rượu đế Gò Đen, rượu đế Hòa Long mà là phải có trước.



Rượu đế Gò Đen

Khi người Pháp chiếm làng Bến Gỗ, cấm dân không được nấu rượu để rượu công-xi của họ độc quyền tiêu thụ. Dân làng làm rượu lén chuyển nếp, men và đồ nghề ra rừng để nấu rượu. Thời đó, người ta lén lút uống rượu đế Bến Gỗ với nhau và gọi đó là... "rượu rừng".

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Cô giáo hỏi một em bé ở nhà trẻ:

- Loài vật và người ai thông minh hơn?
- Loài vật ạ.
- Tại sao vậy?
- Vì khi con nói với con chó thì nó hiểu. Nhưng khi nó nói với con, con chả hiểu gì cả!

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

ngoạ triều

Lê Ngoạ Triều là tên mà người đời đặt cho Lê Long Đĩnh (con của Lê Hoàn, giết anh để cướp ngôi làm vua từ năm 1005 đến năm 1009 thì mất, sống được 24 tuổi) một ông vua bạo ngược và dâm dăng đến nỗi mắc bệnh không ngồi được nên đến buổi họp của triều đình cũng vẫn phải nằm trên giường. Soạn giả đã viết gần giống như thế, chẳng có gì sai. Nhưng khi giảng nghĩa các từ tổ thì ông giảng rằng, ngoạ nghĩa là nằm trên giường, triều nghĩa là triều đình. Nếu như thế thì chỉ có thể hiểu ngoạ triều là "triều đình nằm trên giường". Thực ra, ngoạ chỉ



có nghĩa là nằm (không chỉ rõ “nằm trên giường”). Và, triều ở đây phải là một từ chỉ hành động. Đúng vậy, “triều” vốn là một động từ. Theo lễ giáo Trung Hoa ngày xưa, mỗi buổi sáng, con cháu phải gặp ông bà cha mẹ để thăm hỏi và chúc sức khỏe, như vậy gọi là “triều”, tức là “chầu”. Việc các quan tỵ họp trước mặt nhà vua để báo cáo tình hình mọi mặt và nghe mệnh lệnh cũng gọi là “triều”, tức là “chầu vua”. Nhà vua ngồi “coi chầu”, gọi là “thị triều”, “lâm triều”, “ngự triều”. Trong từ “ngoạ triều” thì từ tổ “triều” có nghĩa là “thị triều”, tức là “coi chầu”, và, ‘ngoạ triều’ nghĩa là “nằm coi chầu”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### **Bộ người thì nhảm, bộ mắt thì chê**

Y xem khiếm khuyết của mình là thường, trong khi nghiêm khắc với khuyết điểm của người khác.

Người Quảng Bình có câu tương tự: “Mắm có troi, bòi có lông”. (tiếng Quảng Bình “troi” là con dòi, “bòi” hay búi là dương vật).

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Ăn đi: Không có nghĩa là vừa ăn vừa đi mà chỉ nhắc là ăn mau.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### **“Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75**

Cà chớn chớn xâm lãng. Cù lằn ra khói lửa.

Cà kê dê ngỗng = dài dòng.

Cà na xí muội = chuyện không đâu vào đâu

(Nhớ đâu viết đây... - Nguyễn Văn Trường)

### **Tiếng Việt trên net**

iêm = em

iu = yêu

(Nguồn: Gio-o.com)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Năm 1940, Trương Tửu, tức Nguyễn Bách Khoa gọi ca dao của ta là *Kinh Thi Việt Nam*.



Khoảng 12, 13 năm trước đó, một buổi chiều đi hóng gió quanh hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội ông đã gặp một cụ già. Trong khi tình cờ ngồi cạnh trên băng ghế dưới chân tượng Paul Bert,

Trương Tửu được cụ già giải thích cho nghe về mấy câu đồng dao mà trẻ con thường dùng trong trò chơi bịt mắt bắt dê. Theo cụ, đã sai lạc và trở thành vô nghĩa.

Đúng ra bài hát đó như sau:

Chu tri rành rành  
Cái danh nổ lửa  
Con ngựa đứt cương  
Ba vương tập đế  
Cấp ké đi tìm  
Hú tim bắt ập

*Chu tri rành rành* có nghĩa là bố cáo cho thiên hạ được biết.

*Cái danh nổ lửa* nói về tiếng súng đại bác đầu tiên của chiến hạm Catinat bắn vào Đà Nẵng năm Bính Thìn 1856 trong chủ trương gây hấn của người Pháp.

*Con ngựa đứt cương* diễn tả sự rối loạn của triều đình Huế sau khi vua Tự Đức băng hà vào năm Quý Mùi 1883. Lúc đó, ngoài Bắc đang đánh nhau với quân Pháp, trong triều thì quyền thần chuyên chế không còn trật tự, kỷ cương gì nữa.

*Ba vương tập đế* chỉ vào việc Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chuyên quyền làm bậy, giết hại công thần. Tháng 9 năm 1884 Tường và Thuyết đổi di chiếu của vua Tự Đức, đem Dục Đức giam vào nhà tối, không cho ăn uống để chết đói, đổ cho tội thông mưu với Pháp, lập Hiệp Hòa lên làm vua. Hơn 4 tháng sau, Tường và Thuyết đầu độc vua Hiệp Hòa, đưa Kiến Phúc, lúc đó mới 15 tuổi lên ngôi. Được hơn 6 tháng, Kiến Phúc ngộ độc chết, Tường và Thuyết lập Hàm Nghi mới 12 tuổi lên ngôi báu. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm mà có tới 3 ông vua thay nhau lên ngôi, câu “ba vương tập đế” chỉ vào những biến cố này.

*Cấp ké đi tìm* nói về việc Tôn Thất Thuyết vì bị Thống Chế De Coursy xử ép nên đêm 22 tháng 5, 1885 liều đánh úp dinh Khâm Sứ và đồn Mang Cá ở Huế. Việc thất bại, Thuyết đem vua đi trốn rồi truyền hịch Cần Vương đi khắp nơi. Quân Pháp một mặt lo dẹp loạn, một mặt cấp tốc cho người đi tìm vua Hàm Nghi về để yên lòng dân.

*Hú tim bắt ập* chỉ vào việc tên Trương Quang Ngọc làm phản, cùng với suất đội hầu cận vua Hàm Nghi là Nguyễn Đình Tình, nửa đêm 26 tháng 9, 1888 cùng 20 thủ hạ xông vào chỗ vua tạm trú ở làng Tả Bảo, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, bắt sống và đem nộp nhà vua cho Pháp lãnh thưởng.

(Trần Bích San – Kinh thi Việt Nam)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Chồng già vợ trẻ là tiên  
Vợ già chồng trẻ là duyên con bò

## Chữ và nghĩa

Kiều dân, kiêu bào – Chữ kiêu có nghĩa là đi ở xứ khác, nơi không phải nước mình. Kiêu dân là dân nước này đang ở nước khác. Kiêu bào cũng có nghĩa tương tự, nhưng người Việt Nam thì gọi các người Việt khác là kiêu bào vì là đồng bào, cùng một bọc với nhau; còn khi gọi các người Pháp, người Hoa cũng ở nhờ thì gọi họ là kiêu dân, không dùng chữ bào nữa. Các từ này được dùng từ khi chúng ta không phân biệt chủng tộc và quốc tịch. Ngày nay, có sự phân biệt vì mỗi quốc gia có thể gồm nhiều chủng tộc khác nhau. Cho nên, nên gọi những người quốc tịch nước này sang ở nước khác là kiêu dân, khi họ nhập tịch rồi thì không nên gọi bằng tên đó mà dùng chữ “người Mỹ gốc ...” Tuy nhiên theo lối thông thường tất cả mọi người cùng gốc từ một quốc gia mà sống ở nước khác có thể gọi chung là kiêu bào. Cho nên chữ Việt kiêu có thể dùng để chỉ chung tất cả mọi người Việt Nam sống ngoài nước Việt Nam, dù họ đã đổi sang quốc tịch mới hay chưa. Chữ Hoa kiêu chỉ chung tất cả những người Trung Hoa ở

nước ngoài. Ngày nay các chữ “Người Việt hải ngoại” hay “Hoa kiều hải ngoại” thông dụng hơn.

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

### Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Hoành tráng - theo Tự điển Lê Văn Đức đồng nghĩa với “hoành lệ” nghĩa là “rộng lớn, đẹp đẽ”. Như vậy “hoành tráng” thuộc kho tàng ngữ vựng Việt Nam, không nên hiến cho người trong nước độc quyền. (Tại sao ta có khuynh hướng dị ứng với chữ này và nhiều chữ khác?)

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

### Nguồn gốc tên bà chúa thơ Nôm

Bấy lâu nay, rất nhiều tài liệu cho rằng danh hiệu *bà chúa thơ Nôm* dùng để tôn vinh Hồ Xuân Hương vốn do thi sĩ Xuân Diệu (1916 - 1985) tạo nên. Bình giảng thơ "người Cổ Nguyệt" trong nhà trường, không ít giáo viên ngữ văn cũng nói vậy.

Song sự thật lại chẳng phải vậy!

Tiểu luận *Hồ Xuân Hương - bà chúa thơ Nôm* do Xuân Diệu biên soạn và công bố trên tạp chí *Văn Nghệ* ấn hành tại Hà Nội tháng 1-1959, sau đó được sửa chữa lần bổ sung để đưa vào nhiều sách khác nhau. Cuối tiểu luận, Xuân Diệu cẩn thận cước chú thời gian chấp bút: "tháng 12-1958".

Trước đây khá lâu, năm 1950, NXB Cây Thông ở Hà Nội từng in cuốn *Thân thế và thi ca Hồ Xuân Hương*. Sách này của Lê Tâm, với tiêu đề phụ ghi rõ: *Bà chúa thơ Nôm*.

(Phanxipăng - Chơi xuân cùng bà chúa thơ Nôm)

### Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo *kiểu tên riêng*.

Kiểu tên riêng được dùng theo lối cùng âm: tên riêng, tên người, tên đất được dùng theo cách cùng âm, cùng nghĩa cũng có thể xem chúng thuộc lối lạ hoá hình ảnh. Thí dụ:

*“Gia Cát đánh nhau với Đông Ngô,  
Đông Ngô thua, Đông Ngô bỏ chạy,  
Gia Cát dồn quân đánh lại trận sau”*

(Rang ngô)

Các tên người, tên đất ở câu đố “rang ngô”, nhằm mượn các hình ảnh “cát”, “ngô” theo cách cùng âm.

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

### Chữ Việt cổ

cái quác : cái cuốc

(Phạm Xuân Độ)

## Bụng như tang trống

Tang trống: sườn trống, còn gọi là bọng trống. *Bụng như tang trống* là bụng to mà rỗng – ý nói người hiền lành, không thâm độc.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Có hai giai đoạn duy nhất đàn ông không hiểu đàn bà:  
- Trước khi cưới, và sau khi cưới.

## Phép đối

Phép đối thường hay dùng trong văn thơ của Tàu cũng như của ta, nhất là trong một bài thơ Đường luật bát cú - thể thơ chính và thông dụng nhất - thì luật thơ qui định hai câu thực và hai câu luận phải đối nhau (câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6):

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt.  
Nước còn cau mặt với tang thương.  
(Thăng Long Thành Hoài Cổ - Bà Huyện Thanh Quan)

Trong thể phú, câu đối còn chia thành nhiều lối: song quan, cách cú, gối hạc nên người làm thơ cần phải dụng công nhiều hơn.

Chẳng hạn lối *gối hạc*: mỗi vế có ba đoạn trở lên, đoạn ngắn xen giữa hai đoạn dài (*như đầu gối giữa hai ống chân con hạc*), thí dụ:

Áo vải thô nặng trĩch, lạnh làm mền, nực làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu;  
Khăn lau giặt đồ lòm, giải làm chiếu, vạt làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.  
(Hàn Nho Phong Vị Phú - Nguyễn Công Trứ)

Lối *cách cú*: mỗi vế chia thành một đoạn ngắn và một đoạn dài, thứ tự trước sau không bắt buộc:

Đất chẳng phải chồng, đem gửi thịt xương sao lợi?  
Trời mà chết vợ, thử xem gan ruột mần răng?

Lối *song quan*: mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đặt thành một đoạn liền:

Con ruồi đậu mâm xôi đậu;  
Con kiến bò đĩa thịt bò.

(T. V. Phê – Câu đối)

## Chữ nghĩa làng văn

Cũng giống như *Thơ Bút tre* hiện nay, từ văn phong thơ "Bút Tre thật" dân gian đã sáng tác cả trăm, ngàn câu thơ "Bút Tre mới"...Thơ nôm Hồ Xuân Hương đi vào cuộc sống dân Việt Nam ta đã ngót 200 năm với bản in sớm nhất là "Xuân Hương di thảo" in năm 1914; các bản khắc ván "Xuân Hương thi tập" in năm 1921 và 1923. Thời điểm xuất hiện "Xuân Hương thi tập" là thời vua Minh Mạng (1820-1840)

Bản chép tay "Quốc Văn Tùng Ký" soạn vào thời Tự Đức đến đầu Duy Tân; các bản chép tay "Xuân Hương thi sao", "Tập thảo tập", "Quê Sơn thi tập", "Xuân Hương thi vịnh", "Liệt truyện thi ngâm" và "Lĩnh Nam quần hiền văn thi văn diễn âm tập".

Vậy bài nào là chính gốc thơ Hồ Xuân Hương trong số 213 bài đang được lưu hành khá rộng rãi? Sau hơn 40 năm nghiền ngẫm...Ông Kiều Thu Hoạch, một chuyên gia về chữ Nôm đã công bố cuốn "Thơ Nôm Hồ Xuân Hương", sau khi dịch nghĩa, dịch thơ, chú giải, chú thích đã

loại trừ được một số bài thơ bị gán cho bà chúa thơ Nôm như các bài: "Đánh cờ người", "Tát nước", "Cái nợ chồng con", "Đánh đu", "Bà đanh", "Đồng tiền hoen", "Ông Cừ Võ", v...v.... thì chỉ còn với 84 bài.

(Nguyễn Khôi)

### **Bút Nam Tào, dao thầy thuốc**

Nam Tào giữ sổ sách ở thượng giới, có nhiệm vụ giữ sổ thiên mệnh, quyết định sống chết con người ta, còn dao thầy thuốc là con dao sắc bén, xắt thuốc bén ngọt. Âm chỉ việc sắc bén, rõ ràng, không có chuyện khuất lấp hay che giấu.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Thiên ngôn lơ mơ lỗ mỗ**



Lúc bé tưởng sự sống và cái chết ở cách xa nhau lắm. Giờ mới biết nó chỉ cách nhau một lần chỉ mong manh.

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Bàn thờ vọng**

Bàn thờ vọng ngày nay khá phổ biến, áp dụng cho con cháu sống xa quê, hướng vọng về quê, thờ cha mẹ ông bà tổ tiên, hương khói trong những ngày giỗ, tết. Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đất tổ, chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán, ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến.

"Vọng bái", nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi triều đình có những điển lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng làm lễ, các quan ở các tỉnh hoặc nơi biên ải, thiết lập hương án trước sân công đường, tháp hương, nến, hướng về kinh đô quỳ lạy Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con cháu chưa kịp về quê chịu tang, cũng thiết lập hương án ngoài sân, hướng về quê làm lễ tương tự. Các bàn thờ thiết lập như vậy chỉ có tính chất tạm thời, sau đó con cáo quan xin về cư tang ba năm (xem bài Lễ Cư tang). Các thiện nam tín nữ hàng năm đi trả hội đền thờ Đức Thánh Trần ở Vạn Kiếp, đức Thánh Mẫu ở Đền Sòng v.v... dần dần về sau, đường xá xa xôi, cách trở, đi lại khó khăn, cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập trung, dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín nữ quyên góp nhau cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ khác, rồi cử người đến bàn thờ chính xin bát hương về thờ. những đền thờ đó gọi là vọng từ (thí dụ ở số nhà 35 phố Tôn Đức Thắng Hà Nội có "Sùng Sơn vọng từ" nghĩa là Đền thờ vọng của núi Sòng, thờ thánh Mẫu Liễu Hạnh).

Bàn thờ vọng ông bà cha mẹ chỉ được tập trung trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trường trên đất tổ phụ lưu lại, thì đến ngày giỗ, ngày tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trường chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trường. Do đó không có lệ lập bàn thờ vọng đối cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trường khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ 2 thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả ở xa quê lại là bàn thờ vọng.

Phong tục rất hay và rất có ý nghĩa. Bởi lẽ chữ Hiếu đi đôi với chữ Đệ. Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm.

Thỉnh vong hồn về cầu cúng lễ bái, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi, thì đó là mầm mống của sự bất hoà, vong hồn làm sao mà thanh thản được.

## 57 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Chiến dịch bắt giam văn nghệ sĩ Sài Gòn kéo dài suốt trong Tháng Ba 1976. Tôi kể lại tên những người bị bắt theo trí nhớ của tôi: Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế, Trần Việt Sơn, Lê Văn Vũ Bắc Tiến, Lê Xuyên Chú Tư Cầu, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Hữu Hiệu, Cao Sơn, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Đăng Giao, Chu Vị Thủy, Minh Đăng Khánh, Hoàng Vĩnh Lộc, Thân Trọng Kỳ, Minh Võ Nguyễn Văn Minh, Hoàng Anh Tuấn, Duyên Anh, Thanh Thương Hoàng, Tô Ngọc, Hồ Nam, Võ Đình, Ninh Chữ, Xuyên Sơn, Hồ Văn Đồng, Thái Thủy, Mặc Thu, Sao Biển, Doãn Bình, Anh Quân, Trịnh Viết Thành, Hồng Dương, Chóe Nguyễn Hải Chí, Lý Đại Nguyên, v.v... Các anh Như Phong, Nguyễn Tú, Uyên Thao, Văn Chi, Tú Kêu Trần Đức Uyển đã bị bắt từ trước.

Mai Thảo ở trong danh sách những văn nghệ sĩ bị bắt vào Tháng Ba 76. Bọn Công An Thành Hồ rất muốn bắt Mai Thảo, nhưng chúng bắt không được Mai Thảo vì Mai Thảo không có sổ ở tù. Mai Thảo đã trốn và Mai Thảo đã thoát.

(Đọc ở sao trời – Hoàng Hải Thủy)

### TT Kh lơ mơ lỗ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng  
Anh về, cắt phứt cho xong  
Cuộc đời này chẳng còn em nữa  
Thì có làm chi cũng như không!!!

### Rượu đế và Volka

Rượu đế (miền Nam) hay rượu trắng (miền Bắc) là một loại rượu truyền thống của người Việt được làm từ nguyên liệu gạo nếp lên men và được đem đi chưng cất để lấy rượu.

Đặc biệt khâu cuối của quá trình là chưng cất rượu nếp không sử dụng tháp cao cất cồn mà dùng thiết bị chưng cất rượu để thu rượu khoảng 40-50 độ rượu. Toàn bộ hương thơm của nguyên liệu do quá trình lên men vẫn giữ được gần như trọn vẹn chất lượng của rượu sau.

Vodka là loại rượu chưng cất có nguồn gốc ở Đông Âu như Nga, Balan, v.v. Có khác biệt lớn giữa rượu Vodka và rượu nếp dù chúng có độ rượu xấp xỉ nhau cũng như màu sắc trong suốt giống nhau. Sự khác biệt rượu đế làm từ gạo nếp còn rượu Vodka có thể được làm từ nhiều nguồn nguyên liệu gốc khác nhau như gạo, sắn, ngô, khoai. Về hương vị thì rượu Vodka là sản phẩm không có hương vì đây thực chất là cồn tinh chế sau khi chưng cất nguyên liệu gốc lên men được pha loãng thành rượu nên không còn giữ lại hương thơm của nguyên liệu và không có hậu vị. Đối với rượu đế vẫn giữ được hương thơm của nguyên liệu nếp sau quá trình chưng cất, và do làm từ gạo nếp nên khi nâng chén rượu lên đã cảm nhận được hương nếp hòa quyện với hương thuốc bắc, khi nhấp vào miệng là vị ngọt rượu với hậu vị đậm đà.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

ngọc bội

Soạn giả giảng rằng, bội nghĩa là đeo, ngọc bội nghĩa là đeo ngọc, và còn có nghĩa bóng là người có đức hạnh cao quý. Thật là sai lầm. Ngọc là đá quý, bội là một thứ đồ trang sức mà người Trung Quốc ngày xưa thường đeo ở thắt lưng. (Trong từ điển Từ nguyên có vẽ hình cái « ngọc bội »). Con em các gia đình quyền quý thường đeo cái «bội» bằng ngọc, tức là cái

ngọc bội. Vì vậy, ngọc bội có nghĩa mở rộng là con em nhà quyền quý. Tuy chữ bội cũng có nghĩa là đeo nhưng trong trường hợp này thì bội nghĩa là một thứ vật đeo để trang sức. Ngọc bội là một danh từ chỉ đồ vật, được mở rộng ra để chỉ một lớp người trong xã hội phong kiến chứ không phải là một động từ hoặc một danh từ chỉ hành động như soạn giả đã giảng giải. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng từ này (ở câu 409-410) với nghĩa mở rộng:

Nàng rằng: “Trộm liếc dung quang,  
Chẳng sân Ngọc bội, cũng phờng Kim môn...”

để diễn tả cảm tưởng của Thuý Kiều về Kim Trọng qua lời thổ lộ với chàng: mới nhìn qua cũng biết, nếu chàng không phải là con nhà quyền quý thì cũng là hạng người cao sang. Nếu “ngọc bội” có nghĩa bóng như soạn giả đã giảng giải thì Thuý Kiều quả là người hấp tấp, vì chỉ mới trộm liếc Kim Trọng mà đã coi chàng là người có đạo đức cao quý. Nhân vật tài sắc vẹn toàn của Nguyễn Du hiểu rất đúng nghĩa của từ “ngọc bội” chứ không mù mờ như soạn giả của chúng ta.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Đánh răng: Không phải là đánh, đập cho răng đau.  
Mà là dùng bàn chải và kem làm cho sạch răng.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Cà nhõng = rãnh rỗi không việc gì để làm  
(đi cà nhõng tối ngày, có khi gọi là nhõng nhõng)  
Cà giựt : lãng xãng, lộn xộn

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Liễn

Liễn : hai câu đối nhau  
(liễn đối – liễn cú)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn (1)

Từ lâu nay, nhiều người cho rằng Chiêu Hồ với bà Hồ Xuân Hương là Phạm Đình Hồ (1768 – 1839) với *Vũ trung tùy bút*. Theo tôi, Chiêu Hồ không phải Phạm Đình Hồ.

Phạm Đình Hồ, có tên chữ là Tùng Niên và Bình Trực, tên hiệu là Đông Dã Tiều, người làng Đan Loan huyện Đường An, nay là huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Ông sinh trong một gia đình có truyền thống khoa bảng, nhưng bản thân ông chỉ đỗ tú tài. Biết ông là người tài xù Bắc, trong dịp ra Hà Nội, vua Minh Mạng nhà Nguyễn cho mời ông lên gặp và chỉ sau ít phút tiếp kiến, đã đặc cách phong ông làm Tế Tửu Quốc Tử giám Thăng Long – Hà Nội, tức Hiệu trưởng trường, chức này chỉ dành cho các tiến sĩ mà bài thi thấy được tính uyên bác hơn người.

Xin nhớ rằng, tài giỏi như Chu An, thời Trần, cũng chỉ là Tư nghiệp, tức Hiệu phó, để thấy sự liên tài của vua Minh Mạng và cái thoáng, rất trọng thực tài, trong quan chế của nhà Nguyễn.

(Trần Nhuận Minh)

## Cửa thiền

Cửa thiền là nhà chùa. Thiền là yên lặng. Nhà Phật lấy thanh tịnh làm gốc nên mọi sự, mọi cái về Phật đều gọi là thiền.

*Cửa thiền vừa cũ cuối xuân*

*Bóng hoa đầy đất về ngân ngang trời*

(Kiều – Nguyễn Du)

(Nguyễn Thạch Giang – Văn học tập giải)

## Chữ nghĩa làng văn (2)

Phạm Đình Hồ có nhiều trước tác, nhưng nổi tiếng nhất là *Vũ trung tùy bút*. *Vũ trung tùy bút*, tác phẩm duy nhất Phạm Đình Hồ nói về mình, về chuyện đời mình, cho thấy ông là một người “trầm lặng, mực thước, khắc khổ, nhạt nhẽo”, đặc biệt, ông “rất ghét thanh sắc, nghề cờ bạc, và những chuyện rủ rê chơi đùa” – lời Phạm Đình Hồ - thì không thể có chuyện ông ( quan Tế Tửu – hiệu trường - Quốc Tử giám Thăng Long, Hà Nội ) là tác giả của các bài thơ đối đáp với bà chúa thơ Nôm “*ghẹo nguyệt giữa ban ngày*”, cho Hồ Xuân Hương, “*cho cả cành đa lẫn củ đa*”, và: *Rày thì dù mẹ cái hồng nhan...* ( và Hồ Xuân Hương, một nhà thơ “*đúng phép mà văn hoa*”, bao giờ cũng biết “*dừng lại ở phạm vi lễ nghĩa*” ( tựa thơ Hồ Xuân Hương trong Lưu Hương kí – khắc in năm 1814 ), cũng không thể là tác giả của những bài thơ trên).

Phạm Đình Hồ nói, suốt đời ông, ông chỉ có “mỗi một cái tội là nghiện... nước chè”, do ông tự pha lấy cho mình. Xin nhớ cho, Bộ Luật Gia Long thời Nguyễn ghi rõ: “*Phàm quan văn võ ở đêm với con hát, hay đem con hát vào tiệc rượu, phạt 60 trượng*”, nghĩa là giải ra công đường, lột mũ áo, đánh cho 60 gậy rồi đuổi về vườn.

(Trần Nhuận Minh)

## Chữ nghĩa làng văn

### Cảnh thu (1)

Thánh thót tàu tiêu mấy giọt mưa,  
Bút thần khôn vẽ cảnh tiếu sơ,  
Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán,  
Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.  
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu,  
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ  
Cho hay cảnh cũng ư người nhỉ,  
Thấy cảnh ai mà chẳng ngỡ ngơ.

1 - Có sách gán cho Bà huyện Thanh Quan. ở văn bản Landes 1893, bài thơ này không có đầu đề. Câu thứ hai là “*Đố ai vẽ được cảnh tiếu sơ*” và có lời dẫn: “Ngày xưa Xuân Hương đi chơi gặp mưa, vào chơi thăm làng Văn Giáp, thấy có một chùa xưa, Xuân Hương và chùa lạy Phật, rồi đi xem ngoài chùa. Thấy bên chùa có cây đa. Ngửng lên xem thì cao ngút không biết tới đâu, cho nên làm bài thơ này (cây đa này đến này còn)”.

Bản Đông châu 1917, có lời dẫn: “Một ngày kia đang mùa quý thu, gòi lún phún dăm ba hạt mưa, hơi ngấm ngấm rét, quan phủ nhân vô sự, mới sai bày cuộc rượu, cho gọi cô hai ra cùng ngồi uống rượu để vịnh thơ. Xuân Hương vâng lời ra ngồi hầu rượu để vịnh thơ. Xuân Hương vâng lời ra ngồi hầu rượu. Đang khi chén quỳnh đầu vơi, chiều thu hiu hắt, quan phủ liền bảo Xuân Hương vịnh bài tức cảnh. Thơ rằng...”.



## Chữ nghĩa làng văn

Hò, xữ, xang, xê, cồng, líu là từ ngữ của cổ nhạc Nam phần. Nguyên gốc Hán Việt đọc là “Hà, sĩ, thượng, xích, công, lục”.

(Nguyễn Hữu Phước – Đặc san Phù Sa Sông Cửu)

## Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Bồi dưỡng - được dùng ở cả hai miền (Miền Nam, xin coi Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức, chẳng hạn). Người trong nước nói “kỳ hè giáo viên đi bồi dưỡng” nghe kỳ cục, nhưng nếu nói “bồi dưỡng chính trị” thì về phương diện ngữ pháp, không có gì sai cả. Vì “tắm bổ” là từ tương đương; những chữ còn lại (nghỉ ngơi, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ) là mô tả chi tiết chứ không phải danh từ tương đương với “bồi dưỡng”.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

## Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Cửa. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Cu : ngựa con

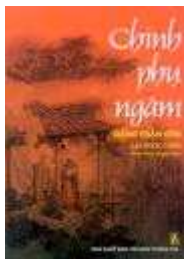
(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

## Thiên ngôn lơ mơ lỗ mỗ



Lúc bé tưởng nói dối là xấu.  
Giờ mới biết lời nói dối đôi khi  
cũng giúp ích rất nhiều

## Chinh Phụ Ngâm với Hoàng Xuân Hãn (I)



Bác Hoàng Xuân Hãn viết: "Từ năm 1926 ông Phan Huy Chiêm đã gửi thư cho báo "Nam Phong", nói rằng bản *Chinh Phụ Ngâm* là "cụ Phan Huy Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm". Nhưng từ đó, mặc dầu những nhà khảo cứu yêu cầu, ông Phan Huy Chiêm chưa từng xuất bản bài diễn ấy. Ấy là vì lẽ ông Phan Huy Chiêm nghĩ rằng bản diễn ca của cụ tổ mình chính là bản đã in khắp nơi, mà có lẽ có câu không hay bằng nữa. Mùa hè năm nay tôi đã được ông Huy Chiêm nhờ người họ gửi cho một

bản nhưng chỉ là một bản đã phiên âm ra chữ la-tinh. Hình như bản chữ nho và chữ nôm nay chưa tìm lại được.

Tôi thắc mắc là cho đến khi bác Hoàng Xuân Hãn viết xong bài "Tựa" nhà họ Phan vẫn chưa đưa ra được bản chính chữ nôm của Phan Huy Ích, chẳng hóa ra bác đã khởi sự viết *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* chứng minh rằng bản dịch hay nhất xưa nay người đời gán ghép cho bà Đoàn Thị Điểm chính là của Phan Huy Ích ngay từ khi trong tay chưa có bản chữ nôm của nhà họ Phan làm bằng chứng?

Cho đến nay vẫn chưa ai được thấy nó. Sau này (1970) ông Nguyễn Văn Xuân tìm ra một bản ở Huế tên là *Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Tân Khúc* mà ông và Hoàng Xuân Hãn đoán là bản của Phan Huy Ích dịch. Tôi dùng chữ "đoán" vì trang cuối "Tựa" chỗ đề tên tác giả (hay dịch giả) lại bị mất nên bằng chứng này cũng chưa thể kể là "bằng chứng" đích xác, mà chỉ là phỏng đoán.

(Nguồn Nguyễn Thị Chân Quỳnh)

### **Căng như mặt trống**

Chí tình trạng căng thẳng giữa hai người.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ**

Thành ngữ hôm nay...

Một cây làm chẳng nên non  
Ba cây chụm lại lại thấy...thừa hai cây

### **Chữ nghĩa làng văn**

Căn cứ vào lời *Tựa* của Tôn Phong trong tập Lưu Hương Ký:

"Khi hỏi đến tên họ, mới biết Hồ Xuân Hương là em gái ông lớn họ Hồ, đậu Hoàng Giáp, người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu", từ đó, các nhà nghiên cứu mới bạch hóa được tiểu sử của Hồ Xuân Hương. Làng Hoàn Hậu nay là làng Quỳnh Đôi.

Bà là con Hồ Sĩ Danh, chứ không phải con Hồ Phi Diễn, như các sách giáo khoa đã ghi từ mấy chục năm nay, vì *Hồ Phi Diễn không có con đỗ Hoàng Giáp* và làm ông lớn. Hồ Phi Diễn và Hồ Sĩ Danh là anh em con chú con bác, lại rất xa nhau, kể ngược lên đến đời thứ 10 mới cùng một ông tổ. Bà là em ruột Hồ Sĩ Đống (1738 - 1785), đậu Đình nguyên, đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, (tức Hoàng Giáp), làm quan đến Hành tham tụng, (quyền Tể tướng) tước Quận công, đứng đầu triều chính thời Trịnh Sâm và Trịnh Khải. Hồ Sĩ Danh (1706 - 1783), chỉ đậu Hương cống (tức Cử nhân), không ra làm quan, *nhưng có con làm tể tướng*, được phong tặng chức Hàn lâm thừa chỉ, hàm Thái Bảo. một trong 3 tước cao nhất của triều đình.

(Nguồn: Trần Nhuận Minh – Vấn đề Hồ Xuân Hương, đã rõ)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Bàn thờ vọng 2**

Chưa phải là phong tục cổ truyền, chưa có nghi lễ nhất định, mà chỉ là kinh nghiệm truyền cho nhau khoảng đầu thế kỷ lại nay tùy hoàn cảnh thuận tiện mà vận dụng: Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo gia tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin phép chuyển một lư hương phụ hoặc mấy nén hương đang cháy giờ mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp.

Nếu có nhà riêng, tương đối rộng rãi khang trang, thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Đặt hương nào?  
- Hương về quê chính, để khi người gia trưởng thắp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Thí dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía Nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên.

Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ ứ ế tạp, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể nhà tầng, nếu câu nệ quá thì không còn chỗ nào đặt được bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, chẳng cần phải câu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Con gì hay la mắng, la hét?  
- Con la.

Con gì về già hay nhăn nhó, khó chịu?  
- Con...vợ.

### **58 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Lần đầu tôi bị bắt. Người thẩm vấn tôi ở số 4 Phan Đăng Lưu là anh Huỳnh Bá Thành, bí danh Ba Trung, tức họa sĩ Ớt nhật báo Tin Điển. Ba trung biết Mai Thảo biết Mai Thảo có liên lạc với Hoài Bắc. Trong một cuộc thẩm vấn tôi Ba Trung xé cái bao giấy thuốc lá Mai, bảo tôi:  
- Anh viết cái thư gửi Hoài Bắc. Anh viết như thế này: "Người ta biết chỗ ở của MT, bạn ta rồi. Bảo nó đi nơi khác ngay..."

Tôi biết thủ đoạn của Ba Trung. Nhận thư tôi Hoài Bắc sẽ lật đặt lên ngựa sắt phi đến chỗ Mai Thảo ở để báo tin, bọn công an rình bên ngoài sẽ đi theo, chúng sẽ ập vào nhà đó bắt Mai Thảo. Tôi nghĩ là Hoài Bắc cũng không biết chỗ ở của Mai Thảo như tôi. Trước khi cầm bút viết tôi đọc ba Kinh Kính Mừng, xin Đức Mẹ Maria Hằng Cứu Giúp làm cho lá thư của tôi không gây tai họa cho các bạn tôi. rồi tôi viết:  
- "HB. Người ta biết chỗ ở của MT rồi. Mà đến bảo nó đi nơi khác ngay. Tao. HHT."

Tôi cố ý viết "mày tao" với Hoài Bắc. Anh không "mày tao" với tôi. Tôi hy vọng nhận được thư này Hoài Bắc sẽ nghi thư không phải do tôi viết.

\*\*\*

Cuối năm 1978 gặp người bạn mới bị bắt vào phòng, cho biết sau ngày tôi bị bắt Mai Thảo, Hoài Bắc, Lê Thiệp, Nguyễn Hữu Hiệu... đều đã đi thoát. Tôi nhẹ người.

Rồi tôi gặp lại Mai Thảo khi vợ chồng tôi sang thăm Quận Cam, Cali Tháng 12, 1994. Tôi đến phòng Mai Thảo ở sau tiệm ăn Song Long. Căn phòng nhỏ, một bàn, một ghế, một giường. Và đấy là lần cuối tôi gặp Mai Thảo. Khi tôi đến Hoa Kỳ, Hoài Bắc đã qua đời, tôi không có dịp hỏi anh: "Năm 77 tôi ở Phan Đăng Lưu, tôi có gửi ông cái thư, ông có nhận được không?"  
Hoài Bắc, Mai Thảo, Nguyễn Sa, Đoàn Khê Vinh... nay đều không còn nữa.  
Chỉ còn tôi tưởng nhớ hình ảnh, nét mặt, tiếng cười, giọng nói của các anh.

(Đọc ở sao trời – Hoàng Hải Thủy)

### **Chữ và nghĩa**

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Lý giải - “Lý giải” và “giải thích” cả hai đều được dùng từ lâu ở cả hai miền. Hai chữ có nghĩa khác nhau. Giải thích là cắt nghĩa. Lý giải là giải nghĩa tường tận cho ra lẽ.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

ngu dân

Nếu cứ giải thích rằng ngu nghĩa là đần độn, dân nghĩa là người dân, như soạn giả đã làm, thì rõ ràng, «ngu dân» nghĩa là «người đần độn». Thật vậy, trong tiếng Hán, từ «ngu dân» cũng có nghĩa như trong tiếng Việt nhưng còn có một nghĩa là «người ngu». Trong tiếng Việt, từ «ngu dân» hoàn toàn không có nghĩa này, mà chỉ có nghĩa là «làm cho dân dốt nát». Ở đây, từ tổ ngu có tác dụng chỉ hành động “làm cho mất trí khôn”. Như vậy, trong từ «ngu dân», ta không thể giải thích rằng, ngu = đần độn, mà phải hiểu rằng, ngu = làm cho... đần độn.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Cách ly - “cách ly” và “cô lập” đều được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ. Việt Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ: “cách ly, cách biệt”

“Cách ly” và “cô lập” không đồng nghĩa hoàn toàn với nhau/

Thí dụ trong câu sau, còn nghịch nhau là đằng khác:

“Cần cách ly bệnh nhân này, nhưng đừng cô lập họ.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

### Giai thoại làng văn

Nguyễn Công Hoan quan niệm chuyện đời, chuyện văn rất đơn giản, cứ như trò đùa vậy thôi: “Năm 1928, 1929, tôi bắt đầu viết truyện ngắn. Hồi ấy ở Lào Cai. Thấy tôi hay đùa, Trương Huyền bảo tôi viết. Tôi từ chối. Hắn nói mày không viết tao đánh. Tôi viết ba truyện đưa Trương Huyền xem. Trương Huyền nói: “Thế này là xã hội tiểu thuyết chứ còn thế đéo nào nữa!”. Hồi ấy viết thế thôi. Không ai nghĩ sau này thành nhà văn.

Ông nói: “Ngày nay toà soạn báo là toà không soạn. Ngày xưa toà soạn là phải soạn, cứ ngồi tán với nhau rồi thấy có gì hay là viết. Thí dụ: Hồi Vũ Trọng Phụng viết *Vỡ đê*, Ngô Tất Tố nói: “Thằng Phụng viết thế khi nào được nông thôn. Để tôi viết cho mà xem. Thế là Tất đèn ra đời”. Tôi thích truyện ngắn hơn. Còn Bước đường cùng thì thường thôi. Kháng chiến, mất bản thảo. Trong thành còn giữ được một cuốn. Có thằng nó in ra. Năm 1954, vào thành in lại. Tác phẩm tồn tại đến ngày nay là do thế.

Tôi thành ra nổi tiếng. Lý do rất đơn giản!

“Nhà văn Việt Nam phải học tiếng Việt Nam. Người ta nói “Trăm nghìn người mới có một”.

Mình lại nói “trường hợp cá biệt”. Tiếng Việt rất trong sáng, dễ hiểu. Sao cứ bịa ra những tiếng khó hiểu, bây giờ chắc nhiều người không biết nghĩa là gì: tại sao gọi “bến ô tô”, “bến tàu điện”? Tại sao gọi là “bát đàn, bát sứ, bát kiêu”. Tại sao gọi là “bít tất”, “Mọi nhẽ” là gì? Mọi nhẽ nghĩa như vân vân...

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Rượu Làng Vân



(Rượu Làng Vân)

Rượu Làng Vân: còn gọi là Vân hương mỹ tửu, trước kia thường dùng sản tươi, sản khô, nay chủ yếu dùng gạo, là loại rượu nổi danh miền Bắc. Làng Vân thuộc, xã Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh cũ - tức Kinh Bắc, nên người ta quen gọi là rượu Làng Vân - Bắc Ninh, cũng giống như quan họ Bắc Ninh vậy.

Rượu Văn Điển, Hà Nội nay vẫn được Ông Đường lưu truyền. Rượu được làm 100% từ gạo nếp cái hoa vàng.

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Làm thinh: Không làm gì cả mà chỉ không...nói thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Cà nghinh cà ngang = nghênh ngang

Cà rem = kem

Cà rịt cà tang = chậm chạp

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

## Chơi chữ

Đặc biệt câu đối loại *chơi chữ* rất cầu kỳ, oái oăm do tận dụng những chữ đồng âm khác nghĩa, đảo từ, đảo ngữ, nói lái, ... nên càng khó đối hơn. Thí dụ:

- Lối *đồng âm khác nghĩa* như về ra của vua Duy Tân dùng vừa nghĩa vừa chữ kèm nhau:

Đi chi đường đạo sợ cụ (*chi là đi, đạo là đường, cụ là sợ*)

Nguyễn Hữu Bài đã đối rất tài tình:

Không vô trong nội nhớ hoài (*vô: không, nội: trong, hoài: nhớ*)

- Lối *đảo từ, đảo ngữ* như về ra trong cuộc thi do báo Trung Bắc (hai nhà nho ưa chơi chữ là Nguyễn Đỗ Mục và Dương Bá Trạc chủ trương bộ biên tập) khởi xướng:

Vợ cả vợ hai, hai vợ cùng là vợ cả.

Vế đối sau đây gọi là trùng cách:

Con nuôi con đẻ, đẻ con há cây con nuôi.

(*chữ nuôi sau cùng được hai nghĩa trạng từ và động từ như về ra*).

- Lối *nói lái* như về ra và về đối sau:

Mài kéo cắt đuội mèo cái.

Lòn cửa cửa cỗ lừa con.

(T. V. Phê – Câu đối)

## Chăn tầm hái dâu cũng quần nâu áo vá Đứng đường đứng sá cũng áo vá quần nâu

Am chỉ mỗi người mỗi số mệnh riêng, không ai giống ai.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo lối lạ hoá (gọi là tính lạ hoá của hình ảnh). Ở mức độ chung, trên tổng thể văn bản lời đố, tính lạ hoá được thể hiện theo hai hướng: miêu tả một vật đố bằng nhiều dạng vẻ không giống nhau; và sự miêu tả khác thường một vật đố, tạo nên một thứ kì dị. Như:

*Đánh thắng ông vua,  
Đánh thua thầy chùa?"*

(Con chấy)

(Đầu vua có tóc như người bình thường, nên chấy bám được; đầu thầy chùa hẵn bóng, chấy phải "thua");

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

### Lo le

Lo le : đưa ra vật gì đang giấu  
(giấu nó đi đừng lo le)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn

Mút mùa Lệ Thủy:

Mút mùa có nghĩa là hết mùa, xong xuôi gặt hái. Mút là cái đuôi, phần cuối, phần chót, như ta thường nói: mút đũa (l'extrémité d'une baguette). Mút mùa (en fin de saison), như ta nghe thấy trong ca dao Bình Trị Thiên:

*Mút mùa rạ ngã rơm khô  
Bạn về quê bạn, biết nơi mô mà tìm!*

Đây là lời than thở của cô gái nhà quê đã gặp chàng trong mùa gặt hái và đã có lời hẹn ước sang năm sẽ gặp lại, nhưng đối với cặp nhân tình đã thề non hẹn biển thì thời gian tâm lý (temps psychologique) quá dài như thuyền trôi qua mười hai bến nước!

Cũng có nơi hát như sau, nhất là trong Nam:

*Rời mùa rạ ngã rơm khô  
Bậu về quê bậu, biết nơi đâu mà tìm!*

Trong câu này có chữ rời thay chữ mút, có chữ bậu thay chữ bạn, có chữ đâu thay chữ mô. Và ta nên chú ý vần âu (bậu, đâu) thay vần ô (khô; mô) mà vẫn giữ âm hưởng trùng vận, và đây là "nội vận" (rime intérieure, bậu và đâu).

Ngoài ra ta cũng nên lưu ý nơi chữ bậu. Trong Nam có câu ca dao dí dỏm, mặc dầu nghe rất dữ tợn như "xin tí huyết":

*Ví dầu tình bậu muốn thôi,  
Bậu gieo tiếng dữ cho rời bậu ra  
Bậu ra cho khỏi tay ta  
Cái xương bậu nát, cái da bậu mòn!*

Hai câu trước là đưa ra sự kiện có thể xảy ra, còn hai câu nối tiếp là "dần mặt, đe dọa, hăm he xé xác, nghe mà rợn gáy, rùng mình". Nhưng mà không can chi, người mình ưa "giơ cao đánh khẽ", chỉ khoa trương bằng lời nói, mà rốt cuộc cũng nương tay.

Cái điều chúng ta thắc mắc là chữ bậu. Theo tôi do sự rút ngắn (contraction) của hai chữ

“phàng đậu” là cách đọc theo giọng Quảng Đông của hai chữ bằng hữu. Còn hai chữ mạo đậu mà ta thường nghe phía Hải Phòng, Chợ Lớn, là do hai chữ ma hữu, có nghĩa là “không có” chỉ cả!

Riêng hai chữ Lệ Thủy là tên huyện “Lệ Thủy”, Nam Quảng Bình.

Lệ là đẹp, thủy là nước. Lệ Thủy là nước đẹp, có gạo trắng nước trong, trai thanh gái lịch. Xưa kia là Phong Phú cộng với Phong Lộc (Quảng Ninh) là hai huyện trong thành ngữ “Nhứt Đồng Nai, nhì Hai Huyện”, sản xuất lúa gạo nhiều nhất miền Trung.

(Thái Văn Kiểm – Kho tàng tiếng Việt)

## Chữ và nghĩa

Tiếp đất: Từ trong nước, được một số “bộ phận” dân chúng dùng. Từ này, được dùng thay thế hoặc dùng thay đổi qua lại với từ “hạ cánh” (máy bay) thường được dùng trước đây, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. “Cất cánh” (“take off”) được dùng đối với “hạ cánh” là đẹp. Nhưng từ “tiếp đất” này, dịch rất sát từ “landing” trong tiếng Anh, cũng là một từ hay. Nó đi vào sự cụ thể, không trừu tượng (vớ vẩn) hay dùng hình ảnh, chữ nghĩa thơ mộng nữa. Nó chỉ rõ: bánh xe của máy bay tiếp xúc với mặt đất, chạm đất.

(Bùi Vĩnh Phúc - Trên đường bay của chữ)

## Chữ Việt cổ

rau thanh hao : rau mùi

(Phạm Xuân Độ)

## Truyện Kiều với Hoàng Xuân Hãn (II)

Theo Đại Nam chính biên liệt truyện viết: “Du trường ư thi, vưu thiện quốc âm, tự Thanh sứ hoàn, dĩ Bắc hành thi tập cập *Thúy Kiều truyện* hành thế”. Nghĩa là *Nguyễn Du có tài về thơ chữ Hán lại giỏi về thơ quốc âm, từ khi đi sứ nhà Thanh về có cho ra đời bộ Bắc hành thi tập*. Thì rõ ràng là *Truyện Kiều* đã được Tố Như tiên sinh viết ra sau khi đi sứ Tàu về.

Thế nhưng GS Hoàng Xuân Hãn lại căn cứ vào *châu phê* của Nguyễn Lượng (trước năm 1802) mà cho rằng, Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* trước khi đi sứ.

Nhận xét ấy cũng không xác thực vì Chiêm Vân Thị trong *Thúy Kiều truyện tường chú* đã cho rằng:

“*Kinh bản có lời phê của họ Vũ và họ Nguyễn. Có người xưng hai nhà này là bậc danh nhân, đồng thời với Hồng Sơn tiên sinh. Song xét những lời phê bình đó đều thấp kém quê mùa. Có lẽ là một tay xoàng xĩnh nào mượn tiếng đó thôi chứ không phải là danh nhân*”.

Thực ra câu ấy mà ghi là lời phê của Nguyễn Lượng thì sai hẳn vì câu ấy chính là của Thanh Tâm Tài Nhân viết trong quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Tàu. Câu ấy lại không có trong *Đoạn trường tân thanh* của Tiểu Tô Lâm – Nọa Phu – Nguyễn Hữu Lập san cải chép tay năm 1870. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* tức *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ về vào năm 1814 như *Đại Nam chính biên liệt truyện* đã ghi chép.

Chúng ta lại cũng cần biết rằng, nếu Nguyễn Du không đi sứ sang Tàu thì làm sao ông có được quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Quyển này ở bên Trung Quốc hồi đó cũng đã rất hiếm, nay chỉ còn hai bản: một bản do Sơn Thủy Lân in đầu đời Thanh, hiện còn lưu giữ ở Thư viện Đại Liên và một bản hiện còn được lưu giữ ở Thiên Thảo văn khố bên Nhật.

(Nguyễn Quảng Tuân - Nguyễn Du viết "Truyện Kiều" khi nào?)

## Thiên thoại lơ mơ lỗ mỗ

### Nhẹ lách



Hôm nọ đi xe đò, chật quá phải ngồi trên mui. Một hành khách thấy một con gà mái đang bơi ăn giữa lộ, xe tới nó hoảng chạy, nhưng chạy xuôi chiều xe. Khoảng cách giữa gà và xe cứ thu ngắn dần: 4m, 3m rồi 2m, thấy gà sắp bị xe cán chết đến nơi, bỗng nó tạt ngang vô lẽ, xe chạy trót, nó đứng tĩnh bơ như không việc gì cả!

Người khách suy tư:

"Trong đời thường của chúng ta cũng vậy. Với các cuộc tranh sống vô cùng phiền lụy, ta chỉ cần "nhẹ lách" qua bên là được yên ổn ngay!"

### Lọ

Lọ : cần, cần gì

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân  
Tương phùng hà tất hà tương thức  
(...)  
Cùng một lứa bên trời lận đận  
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau  
(Tỳ Bà Hành – Bạch Cư Dị)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chồng như đó, vợ như hom

Đó: giỏ đan bằng tre nửa hình ống, có hom, dùng để bắt cá tôm.  
Hom: nắp đậy đó hình cái phễu. đan bằng tre nưakhít với miệng giỏ (đó) để cá vào mà không ra được.

*Chồng như đó* là chồng làm ra tiền. *Vợ như hom* là vợ biết cất giữ tiền. Ta có câu "Của chồng công vợ" cùng nghĩa trên.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Giai thoại làng văn xóm chữ Dùng Truyện Kiều điều khiển trâu

Giai thoại truyền tụng rằng có anh thư sinh nọ nhân dịp năm cũ sắp hết được nghỉ học nên về quê ăn Tết. Đi qua một cánh đồng thấy mấy cô thôn nữ đang cho trâu ăn, chàng thư sinh liền tẻ vào đến làm quen, một cô trong bọn liền ngâm một câu Kiều:

"Trông chừng thấy một văn nhân..."

Rồi cô bỏ lửng, anh chàng liền lên mặt thách thức:

- Chà, các cô thuộc truyện Kiều lắm đấy nhỉ?

Một cô nhanh nhẩu đáp:

- Anh chắc giỏi Kiều lắm nên mới hỏi thế chứ gì? Vậy nhờ anh đọc một câu Kiều bảo con trâu đang đi ở chỗ kia đứng lại dùm tụi em xem nào.

Chàng thư sinh hơi chột dạ, nhưng cũng mạnh dạn đọc:

"Tần ngần "đứng" suốt giờ lâu,

Dạo quanh chợ thấy mái sau có nhà."

Anh ta cố ý đọc to chữ "đứng" để con trâu đứng lại nhưng con trâu vẫn lững thững bước đi.



Một cô liền nói:

- Thôi, anh chả bảo nó được đâu, để em bảo dùm cho.

Đoạn cô ngâm:

*"Họ" Chung có kể lại già,  
Cũng trong nha dịch lại là từ tâm."*

Cô đọc to và kéo dài chữ "họ", quả nhiên con trâu đứng lại ngay.

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ**

Tiếng Việt dễ và...dễ thương

Tiếng Việt miền Bắc nè:

Năm 2002, Tí lùn về đi ra vịnh Hạ Long, ở lại khách sạn, sáng ra Tí lùn kêu, 2 trứng hột gà ốp la, 1 ổ bánh mì, và cho xin 1 chén nước tương. 30 phút sao, Tí lùn được là:

2 cái trứng chiên (hong phải ốp la, mà y như luộc)

1 ổ bánh mì

1 chén tương ớt

Bó tay

Khách sạn tại thành phố Hà Nội, gần 36 phố phường, kêu 1 tô phở, cho đem ra 1 tô hủ tiếu, hồng rau hồng giá, chỉ có hành bào. Xin 1 chén nước mắm được trả lời là hồng có Bó luôn chân

Lên tới Sapa, người ta nói Tí lùn nói tiếng gì mà hồng hiểu

Mẹ ui! Tui nói tiếng Việt Nam mà người VN hồng hiểu á.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

#### **Gia phả**

Gia phả là lịch sử của một dòng họ, một gia đình lớn. Thiết tưởng không cần phải nói nhiều về ý nghĩa mà mỗi cuốn gia phả của từng dòng họ đều đã nói rõ trong từng lời tựa. Đành rằng cái ăn, cái mặc để nuôi sống gia đình và bản thân là việc hàng đầu. Nhưng có thấy nỗi day dứt của những người có tâm huyết muốn truyền cho con cháu biết đời cha mình do ai sinh ra, từ đâu đến, tổ tiên công đức ra sao, ngật vì gia phả đã mất; có thấy được nỗi niềm của những người trú ngụ ở phương xa không được cha ông truyền cho biết gốc gác của mình từ đâu, họ hàng là ai, khi đó mới thấy đầy đủ ý nghĩa của hai chữ "Gia phả-Gia bảo".

Thời trước họ nào cũng có gia phả, có họ từng nhà còn có gia phả. Nếu vì thủy, hỏa, đao tặc để mất vàng bạc- của cải gì thì mất, chứ không để mất gia phả. Ngật vì gia phả ngày xưa viết bằng chữ Hán, hơn nữa từng chi từng nhà chỉ nổi phần trực hệ của chi mình, nhà mình, thẳng hoặc mới có một cuốn gia phả ghi đời tiếp nối của chi anh, chi em, đến đời hai đời ba là cùng, do đó nếu một chi mất gia phả thì chi khác không thể bổ cứu. Hiện nay, do mất gia phả nên nhiều họ tuy cùng ở với nhau trong một địa phương vẫn không biết nhau, không nhận được quan hệ họ hàng. Về một ý nghĩa khác, gia phả sở dĩ gọi là gia bảo vì đó là lịch sử của tổ tiên nhiều đời truyền lại, là điều tổ tiên muốn gửi gắm lại cho đời sau. Bất cứ họ nào, bất cứ con người nào trong họ, có tài năng lỗi lạc đến đâu, cá nhân cũng không thể viết được toàn bộ gia phả mà chỉ có kế thừa đời trước và truyền dẫn đời sau.

Gia phả các họ có thể là các nguồn bổ sung tư liệu rất quý, rất dồi dào cho quốc sử, nếu các nhà sử học biết khai thác cũng có khả năng từ gia bảo trở thành quốc bảo.

## 59 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tiểu sử Nhật Tuấn

Tên thật: Bùi Nhật Tuấn (em nhà văn Nhật Tiến)

Sinh năm 1942 tại Hà Nội, mất ngày: 6-10-2015 tại Sài Gòn

Tác phẩm:

Bận rộn - Niềm vui trần thế - Biển bờ - Một cái chết thông thả

Đi về nơi hoang dã - Chân dung hay chân tướng nhà văn?

\*\*\*

Trong các nhà văn nữ, có hai người đặc biệt nổi tiếng cả trong lẫn ngoài nước và không phải chỉ do văn chương. Đó là Dương Thu Hương và Phạm thị Hoài. Sang thời đổi mới, nước ta “âm thịnh dương suy” sao đó thấy nổi lên toàn các bậc quần thoa?

Sau khi viết được một số truyện ngắn và một vài tiểu thuyết, Dương Thu Hương có xu hướng thiên về chính trị. Cô thường tuyên bố: “tôi dùng văn chương để làm chính trị”. Tôi và Dương Thu Hương là chỗ quen biết “mày tao”. Khoảng năm 1990, Hương bay vào Sài Gòn ở tại Chi nhánh nhà NXB Phụ Nữ gần dinh Thống Nhất và gọi tôi tới gặp.

Tôi kéo Hương ra ngồi vườn hoa trước cửa dinh nghe cô nói về đổi mới, về dân chủ tập trung, về vai trò nhà văn. Tôi cười hề hề:

”Chịu thôi, tao ghét “chính chị”, tao chỉ thích “chính em” thôi.“

Hương đấm tôi, chửi toáng:

”Tổ sư thằng béo, nhát như thỏ đế...”.

Nói vậy nhưng những ngày sau tôi vẫn chờ Hương đi khắp Sài Gòn gặp gỡ “chiến hữu”, diễn thuyết tại CLB trí thức ở 43 Nguyễn Thông...

Có lần, vào buổi tối, tôi chờ Hương chạy qua phố Lê Quý Đôn, hỏi đó “chị em ta” đứng đây vỉa hè dưới ánh đèn đường. Lúc chạy ngang, có em gái nhận ra tôi, gọi ơi ơi:

”Anh Tuấn ơi... chờ vợ đi đâu đấy?”.

Đám chị em cười ầm ầm làm Hương chửi tôi té tát, đấm vào lưng thùm thụp. Ra Hà Nội, có lần tôi chờ Hương tới tạp chí Văn Nghệ Quân Đội ở phố Lý Nam Đế gặp nhà văn Nguyễn Khải mới Sài Gòn ra, anh em chuyện trò rôm rả lắm. Tôi khoe với Nguyễn Khải:

”Con Hương nó mới ra tiểu thuyết hay lắm”.

Ông Khải trố mắt:

”Thế à ? Cuốn gì thế?”

Tôi liếc Hương:

”Chuyện tình kể trước lúc... dạn chân”.

(Chân dung hay chân tướng nhà văn? – Nhật Tuấn)

## Tam Tự Kinh



”Nhân chi sơ Tính bản thiện. Tính tương cận Tập tương viễn. Cầu bất giáo Tính nãi thiên.

Giáo chỉ đạo Quý dĩ chuyên. Tích Mạnh mẫu Trạch lân xứ. Tử bất học Đoạn cơ chữ, v.....”

(Người lúc đầu Tính vốn lành Tính giống [thì] gần Thói khác [thì] xa Nếu không dạy Tính thay đổi Chuyên cần [là] quý Chuyện mẹ thầy Mạnh Chọn xóm giềng Con không học Chặt khung cửi...)

(Viên Linh – Những ông thầy thời niên thiếu)

## Thành ngữ lơ mơ lố mố

Ngu không phải là cái tội  
Cái tội là không biết mình...ngu

## Rượu ta...ngoại truyện

Khó có thể biết được rượu ra đời từ lúc nào, ở đâu, song nói về rượu, về tác dụng chữa bệnh, về văn hóa uống rượu thì tất cả các dân tộc trên thế giới đều có. Ở Việt Nam, rượu gắn với sinh hoạt, với các nghi lễ, hội hè, đình đám, với những lời thề ước...

Rượu và lịch sử hình thành vùng đất này gắn liền với bước chân những người đi mở cõi thế kỷ XVII – XVIII

*Tới đây xử sở lạ lòng*

*Con chim kêu cũng sợ con cá vùng cũng kinh*

Gắn liền với đời sống sinh hoạt hàng ngày thức uống của họ ngoài nước mưa, nước giếng. Rượu cũng là loại đồ uống không thể thiếu, nhưng không phải là nước, và đương nhiên rượu cũng được chế biến kỳ công hơn là...nước.

Xét về góc độ văn hóa, rượu đã tạo nên một đặc trưng thú vị!

(Nguồn: Bùi Túy Phượng)

## Chữ và nghĩa

Lờ đờ, lừ đừ – Lờ đờ nói đến vẻ thiếu tinh khôn, dáng điệu không nhanh nhẹn. Còn lừ đừ có thêm nghĩa là dáng nặng nề chậm chạp, nhưng vẫn có thể còn tinh khôn. Trong một truyện ngắn trên Thế Kỷ 21, tác-giả viết: ‘Bên tay phải, cầu Trà khúc nhọn nhíp xe cộ, dưới cầu dòng nước cạn chảy lừ đừ.’ Có lẽ “lờ đờ” chính xác hơn chẳng: lờ đờ là chậm chạp, uể oải.

Thí dụ: nước chảy lờ đờ, cặp mắt lờ đờ (glassy eyes), con sông lờ đờ trôi (sluggish river). Lờ đờ như gà ban hôm. Lừ đừ cũng có nghĩa là uể oải, mệt mỏi, nhưng hay dùng để tả dáng điệu một người. Thí dụ: Người lừ đừ muốn bệnh; lừ đừ còn có nghĩa không linh hoạt: bộ lừ đừ dễ bị ăn hiếp. Lừ đừ như Ông Tử vào đền. Lừ đừ có khi dùng như lừ khừ hay lừ thừ.

(Ngô Nhân Dụng – Phiếm khảo)

## Tam Thiên Tự

(Ba nghìn chữ)

“Thiên trời Địa đất. Cử cát Tôn còn. Tử con Tôn cháu. Lục sáu Tam ba. Gia nhà Quốc nước. Tiền trước Hậu sau. Ngưu trâu Mã ngựa. Cự cựa Nha răng. Vô chăng Hữu có. Khuyển chó Dương dê. Quy về Tẩu chạy. Bái lạy Quý quý. Khứ đi Lai lại Nữ gái Nam trai. Đái đái Quan mũ. Túc đủ Đa nhiều. Ái yêu Tăng ghét. Thức biết Tri hay. Mộc cây Căn rễ. Dị dễ Nan khôn. Chỉ ngon Cam ngọt. Trụ cột Lương rường. Sàng giường Tịch chiếu. Khiếm thiếu Du thừa, v...v...”

(Viên Linh – Những ông thầy thời niên thiếu)

## Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

Hai vợ chồng: Không phải là hai vợ, một chồng.  
Mà chỉ có một vợ, một chồng thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

## “Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Cà tàng = bình thường, quê mùa,....  
Cà tưng cà tưng  
Cái thẳng trời đánh thánh đâm

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

nguyên hung

Theo soạn giả, nguyên = đầu, bắt đầu, lớn; hung = chiến tranh; và, nguyên hung = người chỉ huy tối cao trong cuộc chiến tranh. Giải thích như vậy tuy không sai nhưng không chính xác và chưa hợp lý. Nguyên 元 còn có nghĩa là đứng đầu; hung 戎 có các nghĩa: vũ khí, binh xa, quân đội, chiến tranh. Trong từ nguyên hung thì hung nghĩa là quân đội; nguyên hung nghĩa là người đứng đầu quân đội, là người chỉ huy tối cao của quân đội, dù là có chiến tranh hay không.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chó đen giữ mực

Đây là lối chơi chữ của các cụ ta xưa vì chó đen màu lông phải đen để khổ lẫn lộn với con chó khác. Nghĩa bóng chỉ mỗi người một nét, đến chết cũng không chừa.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

### Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Xác tín là tin chắc, “chính xác” là đúng y, hai chữ không liên quan gì tới nhau, và được dùng đề huề ở cả hai miền (thậm chí có thể Miền Nam dùng “xác tín” nhiều hơn Miền Bắc) Miền Nam còn dùng “thâm tín” nữa.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

### Chữ và nghĩa

"Hoành tráng", với nghĩa là "có quy mô đồ sộ". Từ này bị lạm dụng rất nặng. Bất cứ một điều gì cũng có thể được gán ghép với thuộc tính này. "Sân khấu" cũng "hoành tráng", mà vòng một hay vòng ba của một "nữ nhân" cũng có thể "hoành tráng".

Trong một số văn cảnh, đôi khi, "hoành tráng" cũng có thể được dùng theo nghĩa "đẹp nước nở", như: "Bức chân dung của em trông 'hoành tráng' quá". Nó cũng có thể là "căng đầy", "mập mạp", như "Thân hình 'hoành tráng' của bà chủ, sau khi nạp vào bữa điểm tâm cũng 'hoành tráng' không kém, uốn éo đi ra khỏi cửa". Và, còn gì 'hoành tráng' nữa trong cuộc sống hôm nay?!!

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

## Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Động thái - “Động thái” và “động lực” hoàn toàn khác nhau, nhất là trong lãnh vực tâm lý, một đằng biểu lộ ra, một đằng tiềm tàng bên trong.

“Động thái” hay “tác phong”: (Anh: behavior): hành vi biểu lộ ra bên ngoài quan sát được; ta có chữ “trường phái tâm lý học động thái/tác phong” (behaviorism)

Động lực: (Anh: motive) là sức ngầm thúc đẩy hành vi.

Thí dụ: “Cảnh sát chưa tìm ra động lực của vụ giết người”. Cả hai chữ đều được dùng tại Miền Nam; nếu chúng không được phổ biến, là vì chúng thuộc lãnh vực chuyên môn chẳng.

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

